TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Nguyễn Ngọc Anh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

XÂY DỰNG TÌNH HUỐNG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ "CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE" MÔN KHOA HỌC 5

Mã sinh viên: 2652020563

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, (2026)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Nguyễn Ngọc Anh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

XÂY DỰNG TÌNH HUỐNG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ "CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE" MÔN KHOA HỌC 5

Mã sinh viên: 2652020563

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: ThS. Hoàng Phúc Ngân

NINH BÌNH, (2026)

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài khóa luận: *"Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5"* là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, thống kê và kết luận nghiên cứu được trình bày trong khóa luận là trung thực, có nguồn gốc cụ thể, rõ ràng và chưa từng được công bố trong bất cứ công trình khoa học nào trước đây. Tôi xin chịu trách nhiệm về sự cam đoan này.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Người thực hiện

Nguyễn Ngọc Anh

LỜI CẢM ƠN

Trong bốn năm học vừa qua, được sự chỉ dạy tận tình của quý thầy cô Trường Đại học đã giúp em có thêm được những kiến thức quý báu trong quá trình thực hiện và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài "Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe", môn Khoa học 5".

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến giảng viên hướng dẫn ThS. Hoàng Phúc Ngân đã tận tình chỉ bảo, định hướng và góp ý quý báu trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện khóa luận này.

Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô trong Khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non của Trường Đại học Hoa Lư, những người đã truyền đạt cho em nền tảng kiến thức vững chắc trong suốt quá trình học tập.

Em xin kính chúc sức khỏe và kính chúc các quý thầy cô Trường Đại học Hoa Lư đạt nhiều thành tựu trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Vì thời gian và những hiểu biết còn hạn chế, kinh nghiệm thực tế còn chưa nhiều, bài viết chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Rất mong sự đóng góp và chỉ dẫn của các quý thầy cô giúp em bổ sung thêm nhiều kiến thức để phục vụ cho công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Đề tài *"Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5"* là công trình nghiên cứu của sinh viên Nguyễn Ngọc Anh, nội dung trong đề tài chưa công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Người hướng dẫn

ThS. Hoàng Phúc Ngân

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa là
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
HS	Học sinh
SGK	Sách giáo khoa
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới (*World Health Organization*)
YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Yêu cầu cần đạt của chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5 15
Bảng 1.2. Nhận thức của giáo viên về khái niệm tình huống dạy học trong môn Khoa học 5 19
Bảng 1.3. Mức độ phù hợp của việc sử dụng các tình huống dạy học trong các hoạt động 20
Bảng 1.4. Dạng tình huống được áp dụng trong dạy học môn Khoa học 5.... 21
Bảng 1.5. Mức độ sử dụng tình huống trong dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5..... 22
Bảng 1.6. Phương pháp dạy học thường sử dụng khi dạy học chủ để "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5 23
Bảng 1.7. Cách thiết kế tình huống của giáo viên 24
Bảng 1.8. Tác dụng của việc sử dụng tình huống dạy học trong quá trình dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe", môn Khoa học 5..... 25
Bảng 1.9. Khó khăn gặp phải khi thiết kế và sử dụng tình huống vào dạy học môn Khoa học 5 26
Bảng 1.10. Mức độ hứng thú học môn Khoa học 5..... 27
Bảng 1.11. Hứng thú giải quyết tình huống trong dạy học môn Khoa học 5. 28
Bảng 1.12. Hình thức học sinh yêu thích khi học bài mới..... 29
Bảng 1.13. Tác dụng của học bằng tình huống..... 30
Bảng 1.14. Khó khăn khi học bằng tình huống..... 31
Bảng 2.1. Thống kê các tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5 39

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu 2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 6
5. Phương pháp nghiên cứu 7
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn 7
Chương 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI 8
1.1. Cơ sở lý luận 8
1.1.1. Khát quát về tình huống dạy học 8
1.1.2. Khái quát về nội dung chương trình môn Khoa học 5 14
1.2. Cơ sở thực tiễn 17
1.2.1. Khái quát về quá trình điều tra 17
1.2.2. Kết quả điều tra 18
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 33
Chương 2. XÂY DỰNG TÌNH HUỐNG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ "CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE" MÔN KHOA HỌC 5 34
2.1. Nguyên tắc xây dựng tình huống dạy học 34
2.2. Quy trình xây dựng tình huống dạy học 37
2.3. Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5 39
2.3.1. Thống kê các tình huống đã xây dựng 39
2.3.2. Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5 40
2.4. Đề xuất cách sử dụng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5 51
2.4.1. Cách sử dụng tình huống trong tiến trình tổ chức dạy học 51
2.4.2. Một số lưu ý khác khi sử dụng tình huống dạy học 53
2.4.3. Ví dụ minh hoạ sử dụng tình huống 54

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 66
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 67
TÀI LIỆU THAM KHẢO 68
PHỤ LỤC

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng nhằm cụ thể hóa các chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước, trong đó có những định hướng quan trọng được nêu tại Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội và Nghị quyết số 71-NQ/TW năm 2025 của Bộ Chính trị. Đây là cơ sở quan trọng định hướng đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong nhà trường phổ thông hiện nay.

Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đã xác định chủ trương đổi mới là nhằm tạo chuyển biến căn bản về chất lượng và hiệu quả giáo dục. Theo đó, giáo dục phổ thông không chỉ chú trọng trang bị kiến thức mà còn phải đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; đồng thời thực hiện chuyển đổi căn bản từ tiếp cận nội dung sang phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, lấy học sinh làm trung tâm của quá trình giáo dục. Bên cạnh đó, nội dung giáo dục cần được xây dựng theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, tăng cường thực hành, gắn với thực tiễn đời sống và phù hợp với từng cấp học [1]. Từ những định hướng trên có thể thấy, mục tiêu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay là hình thành và phát triển ở học sinh một cách toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có khả năng tự học, tư duy sáng tạo, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn và từng bước định hướng nghề nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng đặt ra yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá trong nhà trường phổ thông theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Trên cơ sở những định hướng đổi mới đã được nêu trong Nghị quyết số 88/2014/QH13, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu tạo bước đột phá trong phát triển giáo dục và đào tạo ở giai đoạn mới. Từ nội dung của nghị quyết có thể thấy quan điểm chỉ đạo xuyên suốt là giáo dục phải gắn với thực hành, gắn lý luận với thực tiễn và tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường với đời sống xã hội [2]. Theo đó, nội dung học tập cần gắn với thực tiễn, tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Bên cạnh đó, phương pháp dạy học cũng cần được đổi mới theo hướng tăng cường hoạt động trải nghiệm, khám phá,

đồng thời tạo điều kiện để học sinh tự học, sáng tạo và chủ động trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Cùng với đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng cần hướng vào năng lực vận dụng, tư duy, khả năng giải quyết vấn đề thay vì chỉ chú trọng ghi nhớ máy móc. Vì vậy, năng lực xử lí tình huống được xem là một trong những yêu cầu quan trọng của giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

Xuất phát từ đặc điểm chương trình môn Khoa học 5

Môn Khoa học lớp 5 trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo định hướng tích hợp, gắn kiến thức khoa học với các tình huống thực tiễn trong đời sống [3]. Thay vì tiếp cận kiến thức một cách rời rạc, học sinh được tìm hiểu các nội dung khoa học thông qua những vấn đề gần gũi, quen thuộc trong sinh hoạt hằng ngày, như chăm sóc sức khỏe, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả,… Qua đó, học sinh không chỉ nắm vững kiến thức, mà còn phát triển tư duy khoa học, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đồng thời hình thành các phẩm chất như chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Môn học đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực và phẩm chất học sinh tiểu học, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Chủ đề "Con người và sức khỏe" trong môn Khoa học lớp 5 cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản về cơ thể người, vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng, phòng tránh bệnh tật và chăm sóc sức khỏe. Nội dung của chủ đề gần gũi, xuất phát từ thực tiễn đời sống nên dễ tạo sự hứng thú và đồng cảm với học sinh. Việc tổ chức dạy học thông qua các tình huống có vấn đề sẽ tạo điều kiện để học sinh rèn luyện tư duy khoa học, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, hình thành ý thức bảo vệ sức khỏe bản thân và cộng đồng.

Xuất phát từ những lý do trên, em đã lựa chọn đề tài: ***Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5,*** làm đề tài khoá luận tốt nghiệp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Thế giới

Theo các nhà tâm lí học, khởi đầu của quá trình tư duy thường xuất phát từ một tình huống có vấn đề. Tư duy của con người chỉ được kích hoạt khi cá nhân đối mặt với những khó khăn về nhận thức hoặc những vấn đề chưa có sẵn cách giải quyết. Quan điểm này được thể hiện rõ trong các nghiên cứu của Jean Piaget và Lev Vygotsky, khi nhấn mạnh vai trò của xung đột nhận thức và môi trường xã hội trong việc thúc đẩy sự phát triển tư duy của người học [33,35].

Quan điểm trên có thể thấy, việc tạo ra các tình huống có vấn đề trong dạy học không chỉ giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách chủ động mà còn kích thích khả năng suy luận, tìm tòi và giải quyết vấn đề. Đối với học sinh tiểu học, những tình huống gần gũi với thực tiễn sẽ tạo hứng thú học tập, khuyến khích các em tham gia tích cực vào quá trình khám phá kiến thức, từ đó góp phần phát triển tư duy và năng lực học tập một cách hiệu quả.

Trong lĩnh vực giáo dục, phương pháp dạy học tình huống (case-based learning) đã được nghiên cứu và áp dụng từ rất sớm ở các nước phương Tây, đặc biệt là tại Hoa Kỳ. Năm 1870, Christopher Columbus Langdell đã khởi xướng phương pháp dạy học tình huống tại Trường Luật thuộc Đại học Harvard [28], đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc đưa các tình huống thực tiễn vào giảng dạy. Phương pháp này sau đó được mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác như kinh doanh, y học và giáo dục. Có thể thấy, dạy học tình huống không chỉ giúp người học tiếp cận kiến thức lí thuyết mà còn tạo cơ hội vận dụng kiến thức vào thực tiễn, từ đó nâng cao khả năng tư duy, phân tích và ra quyết định. Việc sử dụng các tình huống gần với đời sống cũng góp phần tăng tính chủ động, hứng thú học tập và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho người học trong quá trình học tập.

Tiếp nối xu hướng đó, năm 1919, Đại học Western Ontario đã áp dụng phương pháp tình huống trong đào tạo kinh doanh dưới sự dẫn dắt của W. Sherwood Fox và K.P.R. Neville. Trường Kinh doanh Richard Ivey của trường này trở thành một trong những trung tâm hàng đầu ở Canada về giảng dạy theo phương pháp tình huống [36]. Sự phát triển của phương pháp này cho thấy dạy học tình huống ngày càng khẳng định được hiệu quả trong việc gắn lí thuyết với thực tiễn nghề nghiệp. Thông qua việc phân tích và xử lí các tình huống cụ thể, người học không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn rèn luyện khả năng tư duy phản biện, kĩ năng giao tiếp và năng lực ra quyết định trong những bối cảnh khác nhau.

Bên cạnh đó, nhiều nhà giáo dục hiện đại cũng đã khẳng định vai trò của tình huống trong dạy học. John Dewey cho rằng học tập phải gắn liền với trải nghiệm và giải quyết các vấn đề thực tiễn [29]; trong khi Jerome Bruner nhấn mạnh việc tổ chức dạy học thông qua khám phá và tình huống có ý nghĩa sẽ giúp người học phát triển tư duy bậc cao [28]. Gần đây, các nghiên cứu về dạy học dựa trên vấn đề (problem-based learning) và dạy học theo tình huống tiếp tục được phát triển, tiêu biểu như công trình của Howard Barrows [26],[27],

cùng các nghiên cứu của Duch, Groh và Allen [30], Savery [34] cho thấy việc sử dụng tình huống giúp nâng cao năng lực tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề của người học. Những quan điểm và nghiên cứu trên cho thấy việc xây dựng và sử dụng tình huống trong dạy học không chỉ có ý nghĩa về mặt lí luận mà còn mang giá trị thực tiễn cao. Đặc biệt trong giáo dục tiểu học, các tình huống học tập phù hợp với đặc điểm tâm lí và nhận thức của HS sẽ góp phần tạo hứng thú học tập, giúp HS chủ động khám phá kiến thức và phát triển năng lực vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên thế giới đã khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của dạy học bằng tình huống trong việc phát triển tư duy và năng lực giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào bậc đại học hoặc giáo dục nghề nghiệp, chưa chú trọng đầy đủ đến đặc điểm tâm lý và nhận thức của học sinh tiểu học. Vì vậy, việc vận dụng phương pháp này vào dạy học môn Khoa học lớp 5, đặc biệt trong chủ đề "Con người và sức khỏe", vẫn còn nhiều khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu và phát triển theo hướng phù hợp với thực tiễn học sinh tiểu học.

2.2. Việt Nam

Ở Việt Nam, dạy học theo tình huống và dạy học giải quyết vấn đề được tiếp cận tương đối sớm thông qua công trình "Dạy học nêu vấn đề" (1977) [12] của Phan Tất Đắc. Đây được xem là một trong những tài liệu nền tảng góp phần giới thiệu và đặt cơ sở ban đầu cho việc nghiên cứu, vận dụng phương pháp dạy học này trong bối cảnh giáo dục Việt Nam. Công trình này đã mở ra hướng tiếp cận mới trong hoạt động dạy học, nhấn mạnh vai trò của việc tạo ra các tình huống có vấn đề nhằm kích thích tư duy và sự chủ động của người học. Từ đó, nhiều nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn về dạy học tình huống ở Việt Nam đã được phát triển, góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực và tính tích cực của học sinh.

Trên cơ sở đó, nhiều nhà nghiên cứu trong nước đã tiếp tục phát triển cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Tiêu biểu là các công trình của Vũ Văn Tảo và Trần Văn Hà (1996), trong đó khẳng định dạy học giải quyết vấn đề là một hướng đổi mới quan trọng, góp phần phát triển tư duy độc lập, sáng tạo và năng lực vận dụng kiến thức của người học [23]. Những nghiên cứu này đã nhấn mạnh vai trò của người học trong quá trình nhận thức, đồng thời đề cao việc tổ chức các hoạt động học tập gắn với tình huống thực tiễn. Điều đó cho thấy việc sử dụng tình huống trong dạy học không chỉ giúp học sinh lĩnh hội

kiến thức hiệu quả mà còn tạo điều kiện để các em hình thành năng lực tư duy, khả năng hợp tác và vận dụng kiến thức vào đời sống học tập cũng như thực tiễn hằng ngày.

Tiếp đó, nghiên cứu của Nguyễn Văn Duệ, Trần Văn Kiên và Dương Tiến Sỹ (2000) đã xây dựng được cơ sở lý luận tương đối hoàn chỉnh cho dạy học giải quyết vấn đề trong môn Sinh học, đồng thời đề xuất quy trình tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực và tư duy độc lập của học sinh [11]. Nghiên cứu này không chỉ góp phần hoàn thiện cơ sở lí luận của dạy học giải quyết vấn đề mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc định hướng đổi mới phương pháp dạy học ở nhà trường phổ thông. Việc tổ chức cho học sinh tham gia giải quyết các tình huống học tập đã tạo điều kiện để các em chủ động khám phá kiến thức, rèn luyện khả năng tư duy khoa học và nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu của Đinh Tuấn Dũng (2002) đã nhấn mạnh vai trò của giáo viên trong việc thiết kế và tổ chức các tình huống có vấn đề, coi đây là phương tiện quan trọng để phát triển năng lực phân tích, lập luận và vận dụng kiến thức vào thực tiễn của người học [9]. Quan điểm này cho thấy hiệu quả của dạy học tình huống phụ thuộc nhiều vào khả năng xây dựng và khai thác tình huống của giáo viên trong quá trình tổ chức dạy học. Những tình huống phù hợp, gắn với thực tiễn và trình độ nhận thức của học sinh sẽ tạo động lực học tập, giúp người học tích cực suy nghĩ, trao đổi và chủ động tìm ra cách giải quyết vấn đề, từ đó góp phần phát triển năng lực và phẩm chất cần thiết cho học sinh.

Ở góc độ đào tạo giáo viên, Phan Đức Duy (1999) đã chứng minh hiệu quả của việc sử dụng bài tập tình huống trong rèn luyện kỹ năng tổ chức dạy học cho sinh viên sư phạm [10]. Đồng thời, nghiên cứu của Ngô Nhã Trang cũng cho thấy việc thiết kế hệ thống tình huống trong dạy học Hóa học có vai trò tích cực trong việc nâng cao hiệu quả học tập của học sinh trung học phổ thông [24]. Những nghiên cứu trên cho thấy việc sử dụng tình huống không chỉ có ý nghĩa trong hoạt động dạy học ở nhà trường mà còn đóng vai trò quan trọng trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Thông qua việc xây dựng và khai thác các tình huống học tập, giáo viên và sinh viên sư phạm có cơ hội rèn luyện năng lực tổ chức dạy học, xử lí tình huống sư phạm và phát huy tính tích cực của người học trong quá trình tiếp cận kiến thức.

Trong những năm gần đây, việc vận dụng dạy học theo tình huống đã bắt

đầu được quan tâm ở bậc tiểu học. Tiêu biểu là nghiên cứu của Dương Giáng Thiên Hương (2007), trong đó tác giả đã đề xuất cách tiếp cận dạy học theo hướng giải quyết vấn đề phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học, góp phần mở rộng phạm vi ứng dụng của phương pháp này trong giáo dục phổ thông [14]. Nghiên cứu này cho thấy việc sử dụng các tình huống học tập phù hợp với lứa tuổi có thể giúp học sinh tiểu học hứng thú hơn trong học tập, đồng thời tạo điều kiện để các em phát triển khả năng quan sát, suy luận và giải quyết vấn đề. Đây cũng là cơ sở quan trọng để vận dụng dạy học tình huống vào các môn học ở tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông hiện nay.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu ở Việt Nam đã bước đầu làm rõ cơ sở lý luận và khẳng định hiệu quả của dạy học theo tình huống và dạy học giải quyết vấn đề trong việc phát triển tư duy và năng lực của người học. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn tập trung ở bậc trung học phổ thông, đại học hoặc trong đào tạo giáo viên; số lượng nghiên cứu chuyên sâu ở bậc tiểu học còn hạn chế. Đặc biệt, cho đến nay chưa có công trình nào đi sâu vào việc xây dựng hệ thống tình huống dạy học cụ thể cho chủ đề "Con người và sức khỏe" trong môn Khoa học lớp 5 theo định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà đề tài hướng tới bổ sung và phát triển.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5 nhằm phát triển năng lực vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Xác định được cơ sở lí luận và thực tiễn của việc xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5:

- Đề xuất nguyên tắc và quy trình xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5.

- Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5.

- Đề xuất cách sử dụng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5 ở tiểu học.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi điều tra: Điều tra thực trạng đối với 30 giáo viên dạy môn Khoa học và 240 học sinh khối 5 ở trường Tiểu học Tân Thành trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 10/2025 đến tháng 4/2026.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Khái quát các văn bản Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Bộ GD&ĐT về đổi mới giáo dục, chương trình và SGK; các chiến lược đổi mới phương pháp dạy học.

Thu thập, phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa các tài liệu về xây dựng tình huống.

Khái quát mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung, hình thức, phương pháp trong dạy học môn Khoa học 5 nói chung và chủ đề "Con người và sức khoẻ" nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Khảo sát, thăm dò ý kiến của giáo viên dạy Tiểu học bằng các hình thức khác nhau để tìm hiểu thực trạng xây dựng tình huống trong dạy học nói chung và trong dạy học môn Khoa học nói riêng.

- Điều tra học sinh bằng phiếu hỏi về mức độ hứng thú của học sinh khi giáo viên sử dụng tình huống trong dạy học môn Khoa học.

5.3. Phương pháp xử lí số liệu bằng thống kê toán học

Sử dụng thống kê toán học để phân tích kết quả điều tra từ đó khẳng định tính hiệu quả của việc áp dụng đề tài.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về việc xây dựng tình huống dạy học trong dạy học môn Khoa học 5

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Là tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong học tập và thực hành sư phạm; cho giáo viên trong dạy học môn Khoa học ở trường tiểu học.

Chương 1
CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Khát quát về tình huống dạy học

1.1.1.1. Một số khái niệm

Trong nghiên cứu khoa học giáo dục, việc làm rõ khái niệm "tình huống" có ý nghĩa quan trọng, tạo cơ sở cho việc xây dựng và vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với định hướng phát triển năng lực. Tùy theo góc độ tiếp cận, các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều quan niệm khác nhau về "tình huống".

a. Khái niệm tình huống

Trong khoa học giáo dục, việc xác định rõ khái niệm "tình huống" có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở cho việc thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Tùy theo góc độ tiếp cận, các nhà nghiên cứu đã đưa ra những quan niệm khác nhau về tình huống.

Theo Nguyễn Hữu Lam, tình huống là sự mô tả một trường hợp thực tế, trong đó tồn tại những vấn đề, thách thức hoặc cơ hội buộc chủ thể phải xem xét, phân tích và đưa ra quyết định [20]. Quan điểm này nhấn mạnh tính thực tiễn và vai trò của hoạt động ra quyết định trong tình huống.

Nguyễn Hữu Châu cho rằng tình huống là một hoàn cảnh cụ thể trong đó người học phải đối mặt với một vấn đề hoặc mâu thuẫn nhận thức cần được giải quyết thông qua tư duy và hành động [7]. Cách tiếp cận này làm nổi bật vai trò của tình huống như một yếu tố kích thích hoạt động nhận thức và thúc đẩy tư duy của người học.

Theo Từ điển Tiếng Việt, tình huống là toàn bộ những sự việc diễn ra trong một không gian và thời gian xác định, buộc con người phải suy nghĩ, lựa chọn và hành động [22]. Quan niệm này nhấn mạnh tính bối cảnh và tính bắt buộc của hành động trong tình huống.

Từ các quan điểm trên có thể thấy, mặc dù cách diễn đạt khác nhau, song các tác giả đều thống nhất rằng tình huống gắn liền với hoàn cảnh cụ thể, chứa đựng vấn đề và có khả năng thúc đẩy hoạt động nhận thức của con người.

Trên cơ sở đó, có thể khái quát: tình huống là một hoàn cảnh cụ thể mang tính thực tiễn, trong đó xuất hiện vấn đề hoặc mâu thuẫn nhận thức, buộc chủ thể phải huy động tri thức, kinh nghiệm và kỹ năng để suy nghĩ và đưa ra cách giải quyết phù hợp.

b. Khái niệm tình huống dạy học

Từ khái niệm "tình huống", các nhà giáo dục học đã phát triển khái niệm "tình huống dạy học" nhằm phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức hoạt động học tập trong nhà trường theo định hướng phát triển năng lực.

Theo Phan Trọng Ngọ (2005), tình huống dạy học là tình huống có sự tổ chức và định hướng của giáo viên, trong đó nội dung dạy học được lồng ghép vào các sự kiện của tình huống nhằm tạo điều kiện cho người học tham gia giải quyết, qua đó chiếm lĩnh tri thức [21]. Quan điểm này nhấn mạnh vai trò thiết kế và điều khiển của giáo viên trong việc tạo lập môi trường học tập thông qua tình huống.

Nguyễn Bá Kim cho rằng tình huống dạy học là tình huống được xây dựng nhằm phục vụ mục tiêu dạy học cụ thể, giúp học sinh học tập và lĩnh hội một tri thức nhất định [18]. Cách tiếp cận này làm rõ tính mục đích và định hướng nội dung của tình huống dạy học.

Theo Trần Bá Hoành, xét ở góc độ khách quan, tình huống dạy học là hệ thống các mối quan hệ giữa học sinh với đối tượng nhận thức trong môi trường dạy học; xét ở góc độ chủ quan, đó là trạng thái tâm lý nảy sinh khi học sinh tham gia hoạt động nhận thức [13]. Quan điểm này cho thấy sự kết hợp giữa yếu tố môi trường và yếu tố tâm lý trong quá trình học tập thông qua tình huống.

Thái Duy Tuyên cho rằng tình huống dạy học là những tình huống mang tính điển hình, có thể xuất phát từ thực tiễn hoặc được xây dựng giả định, nhằm tạo điều kiện cho người học phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề [25]. Quan điểm này nhấn mạnh tính sư phạm và tính điển hình của tình huống trong dạy học.

Từ các quan điểm trên có thể nhận thấy, tình huống dạy học không phải là tình huống ngẫu nhiên mà là sản phẩm của quá trình thiết kế sư phạm có chủ đích, gắn với mục tiêu và nội dung dạy học.

Do đó, có thể khái quát: tình huống dạy học là tình huống được giáo viên xây dựng và tổ chức một cách có chủ đích, chứa đựng vấn đề phù hợp với mục tiêu bài học, nhằm tạo điều kiện cho học sinh tham gia giải quyết, qua đó hình thành tri thức, kỹ năng và phát triển năng lực.

Trong phạm vi đề tài này, tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5 được hiểu là những tình huống gắn với các vấn đề thực tiễn liên quan đến cơ thể người, vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng và phòng tránh bệnh tật, được thiết kế phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 5, nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức khoa học để giải quyết các vấn đề trong

đời sống, đồng thời hình thành ý thức bảo vệ sức khỏe bản thân và cộng đồng.

c. Phương pháp dạy học tình huống

Phương pháp dạy học tình huống là một trong những phương pháp dạy học tích cực, trong đó việc tổ chức hoạt động học tập được thực hiện thông qua các tình huống có vấn đề, tạo điều kiện cho học sinh tham gia phân tích, thảo luận và giải quyết.

Theo Phan Trọng Ngọ, dạy học tình huống là quá trình giáo viên đưa ra tình huống dạy học, học sinh tham gia tìm hiểu, phân tích và giải quyết, qua đó hình thành tri thức, thái độ và kỹ năng [16]. Quan điểm này nhấn mạnh quá trình nhận thức thông qua hoạt động giải quyết vấn đề.

Trịnh Văn Biều cho rằng dạy học tình huống là phương pháp tổ chức dạy học dựa trên các tình huống thực tiễn, trong đó người học kiến tạo tri thức thông qua việc giải quyết các vấn đề có ý nghĩa [6]. Quan điểm này đề cao vai trò chủ thể của người học và tính thực tiễn của nội dung học tập.

Nguyễn Văn Cường xem dạy học tình huống như một quan điểm dạy học, trong đó quá trình học tập được tổ chức gắn với các tình huống phức hợp của đời sống, tạo điều kiện cho học sinh học tập thông qua trải nghiệm và tương tác [8]. Cách tiếp cận này nhấn mạnh sự gắn kết giữa học tập và thực tiễn.

Từ các quan điểm trên có thể khái quát: phương pháp dạy học tình huống là phương pháp dạy học trong đó giáo viên sử dụng các tình huống có vấn đề làm phương tiện tổ chức hoạt động học tập, giúp học sinh chủ động tham gia giải quyết vấn đề, qua đó hình thành tri thức và phát triển năng lực.

Trong phạm vi đề tài này, phương pháp dạy học tình huống không phải là đối tượng nghiên cứu trực tiếp mà là cơ sở lý luận định hướng cho việc xây dựng các tình huống dạy học. Việc làm rõ phương pháp này nhằm đảm bảo các tình huống được thiết kế có khả năng sử dụng hiệu quả trong dạy học môn Khoa học 5, đặc biệt trong chủ đề "Con người và sức khỏe".

1.1.1.2. Vai trò của tình huống trong dạy học

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, tình huống giữ vai trò như một phương tiện sư phạm quan trọng, góp phần tổ chức hoạt động nhận thức của học sinh theo hướng tích cực, chủ động và gắn với thực tiễn. Khác với việc tiếp cận tri thức theo lối truyền thụ, việc đưa tình huống vào dạy học giúp tạo ra những bối cảnh có vấn đề, từ đó kích thích nhu cầu tìm hiểu và hình thành động cơ học tập ở người học.

Một trong những vai trò nổi bật của tình huống là khả năng khơi gợi

hứng thú học tập. Những tình huống được xây dựng từ các hiện tượng quen thuộc trong đời sống, đặc biệt là những vấn đề liên quan trực tiếp đến bản thân học sinh, thường tạo ra sự tò mò và nhu cầu khám phá. Khi học sinh được đặt vào những hoàn cảnh cụ thể có ý nghĩa, các em có xu hướng tham gia tích cực hơn vào quá trình học tập, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp nhận kiến thức. Điều này phù hợp với quan điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức hoạt động học tập theo hướng phát huy tính tích cực và chủ động của học sinh trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [3].

Bên cạnh đó, tình huống góp phần quan trọng trong việc gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn. Khi học sinh được tiếp cận tri thức thông qua các tình huống cụ thể, kiến thức không còn mang tính trừu tượng mà trở nên gần gũi, dễ hiểu và có khả năng vận dụng. Thông qua việc phân tích và giải quyết tình huống, học sinh từng bước hình thành khả năng liên hệ giữa kiến thức khoa học với các vấn đề trong đời sống, qua đó nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Tình huống còn tạo ra môi trường tương tác trong dạy học, nơi học sinh có cơ hội trao đổi, thảo luận và chia sẻ quan điểm. Quá trình này không chỉ giúp học sinh mở rộng hiểu biết mà còn rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hợp tác. Theo quan điểm của Trần Bá Hoành (2006), hoạt động học tập hiệu quả cần được đặt trong mối quan hệ tương tác giữa người học với môi trường và với các chủ thể khác, và tình huống chính là yếu tố góp phần thiết lập các mối quan hệ đó trong lớp học [13].

Ngoài ra, tình huống đóng vai trò như một công cụ kiểm tra và đánh giá khả năng vận dụng kiến thức của học sinh. Thông qua việc giải quyết các tình huống, giáo viên có thể quan sát và đánh giá mức độ hiểu biết, khả năng phân tích và xử lý vấn đề của học sinh trong những bối cảnh cụ thể. Hình thức đánh giá này phù hợp với định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá trong giáo dục hiện nay, chuyển từ đánh giá ghi nhớ sang đánh giá năng lực.

Không chỉ dừng lại ở vai trò hỗ trợ, tình huống còn góp phần định hướng và dẫn dắt tiến trình dạy học. Một tình huống được thiết kế hợp lý có thể đóng vai trò như điểm khởi đầu để hình thành kiến thức mới, là phương tiện để luyện tập và cũng là cơ sở để vận dụng, mở rộng kiến thức. Nhờ đó, quá trình dạy học trở nên logic, tự nhiên và có sự liên kết chặt chẽ giữa các hoạt động học tập.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, tình huống là một thành tố quan trọng trong tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Việc

xây dựng và sử dụng các tình huống phù hợp không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn tạo điều kiện để học sinh phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đặc biệt trong dạy học môn Khoa học ở tiểu học.

1.1.1.3. Cấu trúc và phân loại tình huống

a. Cấu trúc

Theo Trịnh Văn Biều , thông thường một tình huống gồm 3 phần [6]:

*Phần mở đầu***:** Nêu vắn tắt bối cảnh của các sự kiện trong tình huống.

Các tình huống thường được xây dựng dựa trên các sự kiện có thật. Và để có thể có được một tình huống dạy học phù hợp thì người GV phải điều chỉnh một số chi tiết làm sao cho tình huống được cô đọng lại một cách ngắn gọn, súc tích, tối ưu nhất để phù hợp với mục đích của bài dạy. Tuy nhiên, trong tình huống cần phải nêu vắn tắt bối cảnh của các sự kiện để người học có thể biết được không gian, thời gian diễn ra tình huống đồng thời tạo độ tin cậy cao cho tình huống.

*Phần nội dung tình huống***:** mô tả diễn biến các sự kiện trong tình huống.

Các sự kiện trong tình huống đều phải được chọn lọc một cách kĩ càng để có thể vừa cung cấp những thông tin cần thiết cho người học, đồng thời dựa trên những thông tin này người học có thể giải quyết vấn đề đặt ra. Đặc biệt tình huống phải mô tả được diễn biến các sự kiện một logic, khoa học và theo một trình tự hợp lí để người học liên kết được diễn biến các sự kiện, từ đó phát hiện ra vấn đề nảy sinh từ tình huống.

Các vấn đề, yêu cầu, đề nghị cần giải quyết:

Hầu hết các tình huống đều kết thúc bằng một hay nhiều câu hỏi nhằm hướng người học đến vấn đề cần giải quyết. Thông thường là câu hỏi mở, để tạo điều kiện cho người học có thể tiếp cận và giải quyết vấn đề theo nhiều hướng khác nhau chứ không bị gò bó, ép buộc đi theo một hướng cụ thể nào cả.

b. Phân loại tình huống

Trong dạy học, tình huống có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau như tính chất vấn đề, mức độ phức tạp hay nội dung phản ánh. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, việc phân loại tình huống được lựa chọn dựa trên mục đích sử dụng trong tiến trình dạy học và đặc trưng nhận thức của học sinh tiểu học. Cách tiếp cận này vừa đảm bảo tính sư phạm, vừa phù hợp với định hướng tổ chức hoạt động học tập theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đồng thời tạo cơ sở trực tiếp cho việc xây dựng hệ thống tình huống ở Chương 2.

Theo hướng tiếp cận này, tình huống dạy học được phân thành bốn loại cơ bản gắn với các giai đoạn của tiến trình dạy học, bao gồm: tình huống khởi động, tình huống khám phá, tình huống luyện tập và tình huống vận dụng [11].

Tình huống khởi động được sử dụng ở giai đoạn đầu của bài học nhằm tạo hứng thú, thu hút sự chú ý và kích thích nhu cầu nhận thức của học sinh. Những tình huống này thường ngắn gọn, gần gũi với đời sống và có tính gợi mở cao, *giúp* học sinh liên hệ với kiến thức đã có và hình thành động cơ tìm hiểu nội dung mới. Trong dạy học môn Khoa học ở tiểu học, tình huống khởi động đóng vai trò quan trọng trong việc tạo không khí học tập tích cực và định hướng hoạt động nhận thức ban đầu của học sinh.

Tình huống khám phá được sử dụng trong giai đoạn hình thành kiến thức mới, nhằm tạo điều kiện cho học sinh chủ động tìm hiểu, phân tích và rút ra tri thức thông qua việc giải quyết vấn đề. Những tình huống này thường chứa đựng mâu thuẫn nhận thức hoặc yếu tố bất ngờ, buộc học sinh phải suy nghĩ, quan sát và suy luận để tìm ra lời giải. Việc sử dụng tình huống khám phá giúp chuyển từ cách học thụ động sang học tập tích cực, đồng thời phát triển khả năng tư duy và phương pháp tự học của học sinh.

Tình huống luyện tập được sử dụng sau khi học sinh đã hình thành kiến thức mới, nhằm củng cố và rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức trong các bối cảnh quen thuộc. Các tình huống này giúp học sinh hệ thống hóa kiến thức, đồng thời phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua việc áp dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể. Việc tổ chức hoạt động luyện tập thông qua tình huống còn góp phần tăng cường sự tham gia tích cực của học sinh và nâng cao hiệu quả ghi nhớ kiến thức.

Tình huống vận dụng được sử dụng ở giai đoạn cuối của bài học nhằm mở rộng và ứng dụng kiến thức vào các tình huống mới, gắn với thực tiễn đời sống. Đây là dạng tình huống có tính mở, khuyến khích học sinh vận dụng tổng hợp kiến thức và kinh nghiệm để đề xuất giải pháp phù hợp. Thông qua việc giải quyết các tình huống vận dụng, học sinh không chỉ củng cố kiến thức mà còn phát triển năng lực vận dụng và khả năng thích ứng với các vấn đề trong thực tiễn.

Như vậy, việc phân loại tình huống theo tiến trình dạy học không chỉ đảm bảo tính logic trong tổ chức bài học mà còn phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học. Đây cũng là cơ sở quan trọng để xây dựng hệ thống tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5 trong

phạm vi nghiên cứu của đề tài.

1.1.2. Khái quát về nội dung chương trình môn Khoa học 5

1.1.2.1. Vị trí, mục tiêu của môn học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, môn Khoa học ở tiểu học giữ vai trò là một môn học tích hợp, góp phần hình thành cho học sinh những hiểu biết ban đầu về tự nhiên, con người và môi trường sống [3]. Đây là môn học có ý nghĩa nền tảng, tạo cơ sở cho việc học tập các môn khoa học tự nhiên ở các cấp học tiếp theo, đồng thời giúp học sinh bước đầu hình thành tư duy khoa học và phương pháp nhận thức thế giới xung quanh.

Về mục tiêu, môn Khoa học hướng đến việc hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất như yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ sức khỏe bản thân và cộng đồng, tinh thần trách nhiệm với môi trường. Đồng thời, môn học góp phần phát triển các năng lực chung như tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn học đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực khoa học tự nhiên, thể hiện qua khả năng nhận thức các sự vật, hiện tượng; tìm hiểu môi trường xung quanh; và vận dụng kiến thức vào thực tiễn [3].

Có thể thấy rằng, mục tiêu của môn Khoa học không chỉ dừng lại ở việc cung cấp tri thức mà còn hướng tới phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của học sinh. Điều này đòi hỏi việc tổ chức dạy học cần gắn với thực tiễn, tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm và vận dụng kiến thức ở trong các tình huống cụ thể.

1.1.2.2. Cấu trúc nội dung chương trình môn Khoa học 5

Chương trình môn Khoa học lớp 5 trong bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" được xây dựng theo hướng tích hợp và xoay quanh các chủ đề lớn, phản ánh mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và môi trường sống [3]. Nội dung chương trình được tổ chức thành các mạch kiến thức chính, bao gồm: con người và sức khỏe; vật chất và năng lượng; thực vật và động vật; sinh vật và môi trường.

Chủ đề "Con người và sức khỏe" tập trung vào các kiến thức về cơ thể người, sự sinh sản và phát triển, chăm sóc sức khỏe và an toàn cá nhân. Chủ đề "Vật chất và năng lượng" giúp học sinh tìm hiểu về các dạng vật chất, năng lượng và vai trò của chúng trong đời sống. Chủ đề "Thực vật và động vật" cung

cấp kiến thức về đặc điểm, vai trò và sự đa dạng của sinh vật. Chủ đề "Sinh vật và môi trường" hướng đến việc tìm hiểu mối quan hệ giữa sinh vật với môi trường sống, từ đó hình thành ý thức bảo vệ môi trường.

Cấu trúc chương trình được thiết kế theo hướng từ gần đến xa, từ đơn giản đến phức tạp, phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học. Nội dung các chủ đề có sự liên kết chặt chẽ với nhau, tạo điều kiện cho học sinh hình thành cái nhìn tổng thể về thế giới tự nhiên.

Từ cách xây dựng nội dung chương trình có thể nhận thấy rằng, môn Khoa học lớp 5 không chỉ cung cấp kiến thức riêng lẻ mà hướng tới việc giúp học sinh hiểu được các mối quan hệ và vận dụng kiến thức vào đời sống, qua đó phát triển năng lực khoa học một cách toàn diện.

1.1.2.3. Vị trí và ý nghĩa của chủ đề "Con người và sức khỏe"

Trong cấu trúc chương trình môn Khoa học lớp 5, chủ đề "Con người và sức khỏe" giữ vị trí đặc biệt quan trọng vì gắn trực tiếp với bản thân học sinh và các vấn đề thiết thực trong đời sống hằng ngày [3]. Nội dung của chủ đề không chỉ cung cấp kiến thức về cơ thể người mà còn đề cập đến các vấn đề như chăm sóc sức khỏe, vệ sinh cá nhân và phòng tránh các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe.

Bảng 1.1. Yêu cầu cần đạt của chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Sự sinh sản và phát triển ở người	
- Sự sinh sản ở người	– Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người. – Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ; thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới.
Các giai đoạn phát triển của cơ thể	– Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,...) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người.

	Phân biệt được một số giai đoạn phát triển chính của con người (tuổi ấu thơ, tuổi dậy thì, tuổi trưởng thành,...).
Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì	– Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì. – Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì. – Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài.
An toàn trong cuộc sống: Phòng tránh bị xâm hại	– Nói được về cảm giác an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại. – Trình bày được những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại. – Lập được danh sách những người đáng tin cậy để được giúp đỡ khi cần. – Đưa ra được yêu cầu giúp đỡ khi bản thân hoặc bạn bè có nguy cơ bị xâm hại. |

Chủ đề này giúp học sinh hiểu được quá trình sinh trưởng và phát triển của con người, từ đó có thái độ đúng đắn đối với bản thân và người khác. Đồng thời, thông qua các nội dung về vệ sinh và chăm sóc sức khỏe, học sinh được hình thành các thói quen sống lành mạnh, biết tự bảo vệ bản thân trước các nguy cơ trong cuộc sống. Những kiến thức này có ý nghĩa thiết thực và lâu dài, góp phần định hình hành vi và lối sống của học sinh ngay từ lứa tuổi tiểu học.

Bên cạnh đó, chủ đề "Con người và sức khỏe" còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học theo hướng gắn với thực tiễn. Các nội dung trong chủ đề dễ dàng chuyển hóa thành các tình huống học tập gần gũi, giúp học sinh vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề cụ thể trong đời sống. Đây cũng là cơ sở quan trọng để phát triển năng lực vận dụng kiến thức và năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh.

Từ việc phân tích vị trí, mục tiêu và cấu trúc nội dung chương trình, có

thể nhận thấy rằng chủ đề "Con người và sức khỏe" không chỉ giữ vai trò trung tâm trong môn Khoa học lớp 5 mà còn có nhiều tiềm năng trong việc tổ chức dạy học tình huống. Do đó, việc lựa chọn chủ đề này để xây dựng hệ thống tình huống dạy học là phù hợp với định hướng chương trình, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực cho học sinh trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Khái quát về quá trình điều tra

1.2.1.1. Mục đích điều tra

Khảo sát được tiến hành nhằm tìm hiểu thực trạng xây dựng và sử dụng tình huống trong dạy học môn Khoa học lớp 5 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; tìm hiểu mức độ hứng thú, thái độ tham gia học tập và những phản hồi của học sinh đối với các hoạt động học tập có sử dụng tình huống trong môn Khoa học.

Kết quả điều tra là cơ sở để đề tài đề xuất các tình huống dạy học phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

1.2.1.2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là 30 giáo viên giảng dạy môn Khoa học và 240 học sinh lớp 5 tại trường tiểu học Tân Thành trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

1.2.1.3. Phương pháp điều tra

Để thu thập thông tin một cách đầy đủ và khách quan, nghiên cứu sử dụng các phương pháp điều tra sau:

- Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: phiếu khảo sát được thiết kế gồm các câu hỏi trắc nghiệm với phương án lựa chọn sẵn nhằm khai thác quan điểm, nhận thức và trải nghiệm của đối tượng khảo sát. Nội dung phiếu hỏi tập trung vào các vấn đề như mức độ hiểu biết về tình huống dạy học, tần suất sử dụng, mức độ hứng thú của học sinh và những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai.

- Phương pháp thống kê toán học được sử dụng để xử lý và phân tích các dữ liệu thu thập được từ phiếu khảo sát. Các số liệu sau khi thu thập được tổng hợp và xử lí bằng ứng dụng Microsoft Excel.

1.2.1.4. Nội dung điều tra

Căn cứ vào mục đích điều tra, chúng tôi tiến hành khảo sát và điều tra các giáo viên và học sinh, một số vấn đề cơ bản sau:

- Đối với giáo viên:

+ Nhận thức của giáo viên về tình huống dạy học

+ Thực trạng xây dựng và sử dụng tình huống trong dạy học môn Khoa học lớp 5, đặc biệt ở chủ đề "Con người và sức khỏe".

+ Những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi thiết kế và tổ chức dạy học bằng tình huống.

+ Nhu cầu hỗ trợ, đề xuất của giáo viên nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tình huống trong dạy học.

- Đối với học sinh:

+ Mức độ hứng thú của học sinh đối với môn Khoa học và với các giờ học có sử dụng tình huống.

+ Thái độ, mức độ tham gia của học sinh trong quá trình giải quyết tình huống học tập.

+ Những lợi ích học sinh cảm nhận được khi học tập thông qua tình huống, như hiểu bài sâu hơn, hứng thú hơn và biết cách vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Những khó khăn học sinh gặp phải khi tham gia giải quyết tình huống trong giờ học.

+ Mong muốn của học sinh đối với việc tổ chức dạy học bằng tình huống trong môn Khoa học.

1.2.2. Kết quả điều tra

1.2.2.1. Đối với giáo viên

Kết quả khảo sát được thu thập từ 30 giáo viên tiểu học đang giảng dạy môn Khoa học 5. Dữ liệu được tổng hợp và xử lí bằng ứng dụng Microsoft Excel, từ đó phân tích theo các nhóm nội dung sau:

a. Nhận thức của giáo viên về tình huống dạy học

- Để tìm hiểu mức độ nhận thức của giáo viên về tình huống dạy học, chung tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi liên quan đến khái niệm tình huống dạy học (Câu 1 – Phụ lục phiếu điều tra đối với giáo viên) và kết quả khảo sát được tổng hợp ở bảng 1.1 dưới đây:

Bảng 1.2. Nhận thức của giáo viên về khái niệm tình huống dạy học trong môn Khoa học 5

TT	Nội dung khái niệm "tình huống dạy học"	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Một câu chuyện hoặc ví dụ minh họa cho nội dung bài học	3	10,00
2	Một tình huống gắn với thực tiễn, có vấn đề cần giải quyết và thúc đẩy học sinh suy nghĩ	24	80,00
3	Một hoạt động vui nhộn để tạo hứng thú cho học sinh	2	6,66
4	Một câu hỏi kiểm tra kiến thức cuối bài	1	3,34
	Tổng	**30**	**100**

Qua bảng 1.1 cho thấy, đa số giáo viên đã có nhận thức tương đối đúng về tình huống dạy học. Cụ thể, có 24 giáo viên (chiếm 80%) cho rằng tình huống dạy học là "tình huống thực tiễn, có vấn đề". Đây là phương án phù hợp với bản chất của tình huống dạy học, thể hiện giáo viên đã bước đầu hiểu được vai trò của việc tạo ra các tình huống gắn với thực tiễn nhằm kích thích học sinh suy nghĩ, tìm tòi và giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận giáo viên có nhận thức chưa đầy đủ. Có 3 giáo viên (10%) cho rằng tình huống dạy học chỉ là "câu chuyện hoặc ví dụ minh họa", 2 giáo viên (6,66%) xem đó là "hoạt động tạo hứng thú" và 1 giáo viên (3,34%) lựa chọn phương án "câu hỏi kiểm tra kiến thức cuối bài". Những kết quả này cho thấy một số giáo viên còn nhầm lẫn giữa tình huống dạy học với các hình thức hỗ trợ hoặc hoạt động phụ trong quá trình dạy học.

Kết quả khảo sát cho thấy đa số giáo viên đã có nhận thức tương đối đúng về tình huống dạy học, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên chưa phân biệt rõ tình huống dạy học với các hoạt động hỗ trợ hay kiểm tra kiến thức. Điều này cho thấy cần tăng cường bồi dưỡng và hướng dẫn giáo viên về cách xây dựng, sử dụng tình huống dạy học trong môn Khoa học 5.

- Để tìm hiểu quan điểm của giáo viên về mức độ phù hợp của việc sử dụng tình huống trong các hoạt động dạy học môn Khoa học 5, chúng tôi đã tiến hành khảo sát với câu hỏi: "Theo Thầy (Cô), mức độ phù hợp của việc sử dụng tình huống dạy học trong các hoạt động sau là như thế nào? (Câu 2 – Phụ

lục phiếu điều tra đối với giáo viên) và kết quả khảo sát được tổng hợp ở bảng 1.2 sau đây:

Bảng 1.3. Mức độ phù hợp của việc sử dụng các tình huống dạy học trong các hoạt động

Hoạt động dạy học	Không phù hợp		Ít phù hợp		Phù hợp		Rất phù hợp	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Khởi động	0/30	0%	3/30	10,00%	11/30	36,67%	16/30	53,33%
Hình thành kiến thức	1/30	3,33%	5/30	16,67%	14/30	46,67%	10/30	33,33%
Luyện tập	0/30	0%	4/30	13,34%	16/30	53,33%	10/30	33,33%
Vận dụng	0/30	0%	2/30	6,67%	12/30	40,00%	16/30	53,33%

Kết quả khảo sát ở bảng 1.2, cho thấy đa số giáo viên đánh giá việc sử dụng các tình huống dạy học là "Phù hợp" và "Rất phù hợp" trong tất cả các hoạt động dạy học. Điều này cho thấy tình huống dạy học có vai trò tích cực trong việc hỗ trợ tổ chức dạy học và phát triển năng lực học sinh.

Cụ thể, ở hoạt động khởi động và vận dụng, tỉ lệ giáo viên đánh giá "Rất phù hợp" đều đạt 53,33%, cho thấy tình huống dạy học đặc biệt hiệu quả trong việc tạo hứng thú học tập và giúp học sinh liên hệ kiến thức với thực tiễn. Đối với hoạt động hình thành kiến thức, có 46,67% giáo viên đánh giá "Phù hợp" và 33,33% đánh giá "Rất phù hợp", tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến cho rằng việc sử dụng tình huống ở hoạt động này ít phù hợp do yêu cầu cao về nội dung và cách tổ chức. Ở hoạt động luyện tập, phần lớn giáo viên cũng đánh giá tích cực với 53,33% ở mức "Phù hợp" và 33,33% ở mức "Rất phù hợp".

Kết quả khảo sát cho thấy đa số giáo viên đánh giá việc sử dụng tình huống dạy học là phù hợp trong các hoạt động dạy học, đặc biệt ở hoạt động

khởi động và vận dụng. Điều này chứng tỏ tình huống dạy học có vai trò tích cực trong việc tạo hứng thú, gắn kiến thức với thực tiễn và phát triển năng lực học sinh. Tuy nhiên, ở hoạt động hình thành kiến thức vẫn còn một số giáo viên cho rằng việc sử dụng tình huống còn gặp khó khăn trong tổ chức và triển khai.

b. Thực trạng thiết kế và sử dụng tình huống trong dạy học môn Khoa học lớp 5, đặc biệt ở chủ đề "Con người và sức khỏe".

- Để tìm hiểu về các dạng tình huống giáo viên áp dụng khi tổ chức dạy học môn Khoa học 5, chúng tôi đã sử dụng câu hỏi: "Theo Thầy (Cô), những dạng tình huống nào có thể áp dụng khi tổ chức dạy học môn Khoa học 5?" (Câu 3 – Phụ lục phiếu điều tra đối với giáo viên) và kết quả được thể hiện ở bảng 1.3).

Bảng 1.4. Dạng tình huống được áp dụng trong dạy học môn Khoa học 5

TT	Các dạng tình huống	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tình huống thực tế, gắn liền với đời sống	23	76,67
2	Tình huống mở, nhiều cách giải quyết	20	66,67
3	Tình huống thông qua đóng vai	10	33,33
4	Tình huống minh họa bằng hình ảnh hoặc video	19	63,33
5	Tình huống từ sách giáo khoa	16	53,33
6	Tình huống thí nghiệm hoặc hoạt động thực hành	18	60,00

Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên đã sử dụng khá đa dạng các dạng tình huống trong dạy học môn Khoa học 5. Trong đó, tình huống thực tế gắn liền với đời sống được sử dụng nhiều nhất với 23/30 giáo viên (76,67%), cho thấy giáo viên chú trọng liên hệ kiến thức với thực tiễn. Tình huống mở, nhiều cách giải quyết cũng được sử dụng phổ biến với 20/30 giáo viên (66,67%), góp phần phát triển tư duy và năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh. Bên cạnh đó, tình huống minh họa bằng hình ảnh hoặc video được 19/30 giáo viên sử dụng (63,33%), trong khi tình huống thí nghiệm hoặc hoạt động thực hành chiếm 60,00% với 18/30 giáo viên lựa chọn. Tình huống từ sách giáo khoa đạt 53,33% với 16/30 giáo viên sử dụng. Trong các dạng tình huống khảo sát, tình huống thông qua đóng vai có tỉ lệ thấp nhất với 10/30 giáo viên (33,33%), do hình thức này đòi hỏi nhiều thời gian và kĩ năng tổ chức hoạt động học tập.

Kết quả khảo sát phản ánh giáo viên đã linh hoạt vận dụng nhiều dạng tình huống khác nhau trong dạy học môn Khoa học 5. Trong đó, các tình huống

gắn với thực tiễn và tình huống mở được ưu tiên sử dụng nhiều hơn, cho thấy xu hướng chú trọng phát triển tư duy và khả năng giải quyết vấn đề cho học sinh. Ngược lại, hình thức đóng vai được lựa chọn ít hơn do yêu cầu cao về thời gian chuẩn bị và kĩ năng tổ chức hoạt động của giáo viên.

- Nhằm đánh giá mức độ sử dụng tình huống trong quá trình dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5 của giáo viên tiểu học, chúng tôi sử dụng câu hỏi: "Mức độ sử dụng tình huống dạy học trong quá trình dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ", môn Khoa học 5 của Thầy (Cô) như thế nào?" và thu được kết quả sau:

Bảng 1.5. Mức độ sử dụng tình huống trong dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5

TT	Mức độ sử dụng	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Ít khi	5	16,67
2	Thỉnh thoảng	13	43,33
3	Thường xuyên	9	30,00
4	Rất thường xuyên	3	10,00
	Tổng	**30**	**100**

Dựa vào kết quả khảo sát ở bảng 1.4, ta thấy giáo viên đã có sự quan tâm đến việc sử dụng tình huống trong dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5 ở các mức độ khác nhau. Trong đó, mức độ "Thỉnh thoảng" chiếm tỉ lệ cao nhất với 13/30 giáo viên (43,33%), cho thấy việc sử dụng tình huống đã được áp dụng trong quá trình dạy học nhưng chưa được thực hiện thường xuyên. Mức "Thường xuyên" có 9/30 giáo viên lựa chọn, chiếm 30,00%, phản ánh một bộ phận giáo viên đã chú trọng vận dụng tình huống nhằm tăng tính tích cực và hứng thú học tập cho học sinh. Bên cạnh đó, có 3/30 giáo viên (10,00%) sử dụng tình huống ở mức "Rất thường xuyên", tuy nhiên tỉ lệ này còn khá thấp. Ngoài ra, vẫn còn 5/30 giáo viên (16,7%) ít khi sử dụng tình huống trong dạy học. Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy việc sử dụng tình huống trong dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" đã được giáo viên quan tâm, tuy nhiên mức độ vận dụng chưa đồng đều và cần tiếp tục được tăng cường trong quá trình dạy học.

- Để tìm hiểu về các phương pháp dạy học, giáo viên thường sử dụng khi dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5, chúng tôi đã sử dụng câu hỏi: "Thầy (Cô) thường sử dụng phương pháp dạy học nào khi dạy

chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5?" (Câu 4 – Phụ lục phiếu điều tra đối với giáo viên) và kết quả được thể hiện ở bảng 1.5.

Bảng 1.6. Phương pháp dạy học thường sử dụng khi dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5

TT	Phương pháp dạy học	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Phương pháp quan sát	24	80,00
2	Phương pháp thuyết trình	18	60,00
3	Phương pháp hỏi – đáp	22	73,33
4	Phương pháp thảo luận	21	70,00
5	Phương pháp đóng vai	10	33,33
6	Dạy học tình huống	16	53,33
7	Dạy học dự án	8	26,67

Qua kết quả khảo sát có thể thấy các giáo viên đã vận dụng nhiều phương pháp khác nhau trong dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5. Trong đó, phương pháp quan sát được lựa chọn nhiều nhất với 24/30 giáo viên (80,00%), cho thấy giáo viên chú trọng tổ chức cho học sinh tiếp cận kiến thức thông qua các hình ảnh, sự vật và hiện tượng trực quan. Các phương pháp hỏi – đáp và thảo luận cũng được sử dụng với tỉ lệ khá cao, lần lượt đạt 73,33% và 70,00%. Điều này cho thấy giáo viên đã quan tâm đến việc tạo cơ hội cho học sinh trao đổi, tương tác và tham gia tích cực vào quá trình học tập. Bên cạnh đó, phương pháp thuyết trình vẫn được sử dụng ở mức tương đối phổ biến với 18/30 giáo viên (60,00%), phản ánh đặc điểm kết hợp giữa phương pháp truyền thống và phương pháp dạy học tích cực trong thực tế giảng dạy hiện nay. Đối với các phương pháp mang tính phát triển năng lực như dạy học tình huống, đóng vai và dạy học dự án, tỉ lệ sử dụng còn hạn chế. Cụ thể, dạy học tình huống đạt 53,33%, phương pháp đóng vai đạt 33,3% và dạy học dự án chỉ chiếm 26,67%. Điều này cho thấy giáo viên vẫn gặp một số khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động học tập đòi hỏi nhiều thời gian, sự chuẩn bị và khả năng phối hợp của học sinh.

- Để tìm hiểu về các cách thiết kế tình huống dạy học của giáo viên, chúng tôi đưa ra câu hỏi: "Thầy (Cô) thường thiết kế tình huống dạy học theo cách nào?"(Câu 7 – Phụ lục phiếu điều tra đối với giáo viên) và kết quả được thể hiện ở bảng 1.6.

Bảng 1.7. Cách thiết kế tình huống của giáo viên

TT	Cách thiết kế tình huống	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tự xây dựng tình huống phù hợp với bài học	7	23,33
2	Kết hợp tự xây dựng và tham khảo tài liệu	17	56,67
3	Chủ yếu sử dụng tình huống có sẵn	6	20,00
	Tổng	**30**	**100**

Thông qua kết quả khảo sát cho thấy giáo viên có xu hướng lựa chọn cách thiết kế tình huống theo hướng kết hợp giữa tự xây dựng và tham khảo tài liệu là chủ yếu. Cụ thể, có 17/30 giáo viên (56,67%) lựa chọn phương án này, phản ánh thực tế giáo viên thường vừa khai thác nguồn học liệu sẵn có vừa điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với nội dung bài học và đối tượng học sinh. Bên cạnh đó, 7/30 giáo viên (23,33%) cho biết họ tự xây dựng tình huống phù hợp với bài học. Kết quả này cho thấy vẫn có một bộ phận giáo viên chủ động trong việc thiết kế tình huống dạy học, góp phần nâng cao tính linh hoạt và tính sáng tạo trong tổ chức hoạt động học tập. Trong khi đó, 6/30 giáo viên (20,00%) chủ yếu sử dụng tình huống có sẵn. Điều này phản ánh vẫn còn một nhóm giáo viên phụ thuộc vào nguồn tình huống được thiết kế sẵn trong sách giáo khoa hoặc tài liệu tham khảo, chưa thực sự chủ động trong việc xây dựng tình huống dạy học. Nhìn chung, việc thiết kế tình huống của giáo viên đã có sự linh hoạt nhất định, tuy nhiên mức độ chủ động trong tự thiết kế còn chưa cao, chủ yếu vẫn nghiêng về hướng kết hợp và sử dụng nguồn có sẵn.

- Để tìm hiểu về hiệu quả của tình huống dạy học trong quá trình dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5, chúng tôi đưa ra câu hỏi: Theo Thầy (Cô), việc sử dụng tình huống dạy học trong quá trình dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ", môn Khoa học 5 sẽ đem lại tác dụng gì? và kết quả thu được như sau:

Bảng 1.8. Tác dụng của việc sử dụng tình huống dạy học trong quá trình dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ", môn Khoa học 5

TT	Cách thiết kế tình huống	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Giúp học sinh nhớ bài lâu hơn	24	80,00
2	Tạo hứng thú cho học sinh	27	90,00
3	Tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn	26	86,67
4	Rèn cho học sinh kĩ năng giải quyết vấn đề	25	83,33
5	Rèn kĩ năng giao tiếp, khả năng hợp tác, học hỏi lẫn nhau	21	70,00
6	Giúp học sinh nâng cao năng lực tự xử lý tình huống trong cuộc sống	22	73,33

Dựa vào kết quả trên, ta thấy giáo viên có đánh giá tích cực về hiệu quả của việc sử dụng tình huống trong dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5. Tất cả các nội dung được đưa ra đều nhận được tỉ lệ lựa chọn khá cao, dao động từ 70,00% đến 90,00%, phản ánh vai trò rõ rệt của phương pháp này trong thực tiễn dạy học.

Trong đó, "Tạo hứng thú cho học sinh" là tác dụng được ghi nhận cao nhất với 27/30 giáo viên (90,0%), cho thấy tình huống dạy học có ảnh hưởng mạnh đến việc kích thích động cơ và sự tích cực học tập của học sinh. Tiếp đến là "Tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn" với 26/30 giáo viên (86,7%) và "Rèn kĩ năng giải quyết vấn đề" với 25/30 giáo viên (83,3%), thể hiện vai trò quan trọng của tình huống trong phát triển năng lực học sinh. Bên cạnh đó, "Giúp học sinh nhớ bài lâu hơn" đạt 80,0%, cho thấy hiệu quả hỗ trợ ghi nhớ kiến thức tương đối rõ rệt. Các tác dụng liên quan đến năng lực và kĩ năng xã hội như "Giao tiếp, hợp tác" (70,0%) và "Tự xử lí tình huống trong cuộc sống" (73,3%) cũng được đánh giá ở mức khá cao. Nhìn chung, giáo viên đều thống nhất rằng việc sử dụng tình huống không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn góp phần phát triển năng lực toàn diện cho học sinh trong môn Khoa học 5.

c. Những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi thiết kế và tổ chức dạy học bằng tình huống.

Để tìm hiểu các thuận lợi và khó khăn mà giáo viên gặp phải khi thiết kế và tổ chức dạy học bằng tình huống, chúng tôi tiến hành khảo sát bằng câu hỏi:

“Khi thiết kế và sử dụng tình huống vào dạy học môn Khoa học 5, Thầy (Cô) thường gặp phải những khó khăn gì?”, kết quả được thể hiện ở bảng 1.8

Bảng 1.9. Khó khăn gặp phải khi thiết kế và sử dụng tình huống vào dạy học môn Khoa học 5

TT	Khó khăn	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Không có nhiều thời gian để đầu tư và thiết kế tình huống	22	73,33
2	Không có nhiều nguồn tài liệu để tham khảo	16	53,33
3	Thời lượng tiết học không đủ để triển khai tình huống	24	80,00
4	Khó chọn lọc tình huống để phù hợp với nội dung của bài học	19	63,33
5	Khó tìm được tình huống gắn với thực tiễn, gần gũi với học sinh	21	70,00
6	Khó dự kiến trước các phương án trả lời của học sinh	17	56,67
7	Điều kiện về cơ sở vật chất, học liệu còn hạn chế	15	50,00
8	Khó kiểm soát lớp học khi tổ chức hoạt động	14	46,67
9	Học sinh không hứng thú với các tình huống thực tiễn	9	30,00
10	Khó đánh giá hiệu quả học tập của học sinh thông qua tình huống	18	60,00

Thông qua bảng kết quả khảo sát trên, cho thấy giáo viên gặp nhiều khó khăn khác nhau trong quá trình thiết kế và tổ chức dạy học bằng tình huống ở môn Khoa học 5, trong đó mức độ ảnh hưởng giữa các khó khăn có sự khác biệt rõ rệt.

Trong số đó, khó khăn nổi bật nhất là “Thời lượng tiết học không đủ để triển khai tình huống” với 24/30 giáo viên (80,0%). Điều này cho thấy hạn chế về thời gian trong mỗi tiết học là yếu tố cản trở lớn nhất đối với việc tổ chức dạy học theo hướng tình huống. Bên cạnh đó, “Thiếu thời gian đầu tư và thiết kế tình huống” cũng được nhiều giáo viên lựa chọn với 22/30 người (73,3%), phản ánh áp lực công việc và quỹ thời gian chuẩn bị bài dạy còn hạn chế. Tiếp theo, 21/30 giáo viên (70,0%) cho rằng khó khăn nằm ở việc tìm kiếm tình huống gắn với thực tiễn, gần gũi với học sinh, trong khi 19/30 giáo viên (63,3%)

gặp khó khăn trong khâu lựa chọn tình huống phù hợp với nội dung bài học. Điều này cho thấy yêu cầu về tính thực tiễn và tính phù hợp của tình huống vẫn là thách thức đáng kể đối với giáo viên. Ở mức độ trung bình, các khó khăn như đánh giá hiệu quả học tập thông qua tình huống (60,0%), dự đoán phương án trả lời của học sinh (56,7%) và thiếu nguồn tài liệu tham khảo (53,3%) tiếp tục được ghi nhận, cho thấy hạn chế nhất định trong cả khâu thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học.Các yếu tố còn lại có tỉ lệ thấp hơn gồm điều kiện cơ sở vật chất (50,0%) và khó kiểm soát lớp học khi tổ chức hoạt động (46,7%). Đáng chú ý, "Học sinh không hứng thú với tình huống" chỉ đạt 30,0%, thấp nhất trong các tiêu chí, cho thấy học sinh nhìn chung vẫn có thái độ tích cực đối với hình thức học tập này.

Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên gặp nhiều khó khăn khi sử dụng tình huống dạy học, chủ yếu liên quan đến thời gian chuẩn bị và thời lượng tiết học. Ngoài ra, việc lựa chọn tình huống phù hợp, gần gũi với học sinh cũng là trở ngại phổ biến. Tuy nhiên, đa số học sinh vẫn hứng thú với hình thức học tập này, cho thấy dạy học bằng tình huống có tính khả thi và hiệu quả trong thực tế.

1.2.2.2. Đối với học sinh

Chúng tôi tiến hành phát 240 phiếu điều tra và thu về được 240 phiếu. Từ đó, tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá và thu được kết quả như sau:

- Để tìm hiểu mức độ hứng thú của học sinh với môn Khoa học 5, chúng tôi sử dụng câu hỏi sau: "Em có thích học môn Khoa học 5 không?" (Câu 1 – Phụ lục phiếu điều tra đối với học sinh) và thu được kết quả như sau:

Bảng 1.10. Mức độ hứng thú học môn Khoa học 5

STT	Mức độ hứng thú	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Không	11	4,58
2	Rất ít	28	11,67
3	Bình thường	86	35,83
4	Rất thích	115	47,92
Tổng		240	100

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hứng thú của học sinh đối với môn Khoa học có sự phân hóa tương đối rõ rệt. Nhóm học sinh lựa chọn "Rất thích" chiếm 47,92%, là tỉ lệ cao nhất, phản ánh đa số học sinh có thái độ tích cực đối với môn học. Bên cạnh đó, nhóm "Bình thường" vẫn chiếm tỉ lệ

đáng kể (35,83%), cho thấy vẫn còn một bộ phận học sinh chưa thực sự có hứng thú rõ ràng.

Đáng chú ý, tỉ lệ học sinh không hứng thú hoặc hứng thú thấp (không thích và rất ít) chiếm khoảng 16,25%, tuy không lớn nhưng vẫn là nhóm cần được quan tâm trong quá trình tổ chức dạy học. Điều này cho thấy môn Khoa học nhìn chung thu hút được học sinh, nhưng mức độ yêu thích chưa đồng đều giữa các đối tượng.

- Để tìm hiểu về hứng thú giải quyết tình huống trong giờ học môn Khoa học 5, chúng tôi sử dụng câu hỏi sau: "Em có thích giải quyết các tình huống trong giờ học môn Khoa học 5 không?" (Câu 2 – Phụ lục phiếu điều tra đối với học sinh) và kết quả được trình bày ở bảng 1.10

Bảng 1.11. Hứng thú giải quyết tình huống trong dạy học Khoa học 5

STT	Mức độ hứng thú	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Không thích	12	5,00
2	Có nhưng ít thôi	33	13,75
3	Bình thường	42	17,50
4	Có thích, càng nhiều tình huống càng tốt	153	63,75

Căn cứ vào kết quả khảo sát, cho thấy việc đưa tình huống vào dạy học có tác động rõ rệt đến mức độ hứng thú của học sinh. Cụ thể, có tới 63,75% học sinh lựa chọn phương án "có thích, càng nhiều càng tốt", cho thấy tình huống học tập có sức hấp dẫn cao đối với đa số học sinh. Trong khi đó, nhóm phản ứng bình thường và ít hứng thú chiếm tỉ lệ thấp hơn nhiều. Đặc biệt, chỉ có 5,0% học sinh không thích giải quyết tình huống, cho thấy phương pháp này nhìn chung phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi tiểu học. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một nhóm nhỏ học sinh chưa thực sự sẵn sàng tham gia hoạt động này, cần có sự hỗ trợ phù hợp từ giáo viên.

Kết quả khảo sát cho thấy đa số học sinh hứng thú với việc giải quyết tình huống trong giờ học Khoa học 5, trong đó mức "có thích, càng nhiều tình huống càng tốt" chiếm tỉ lệ cao nhất. Điều này cho thấy tình huống học tập có khả năng tạo sự hấp dẫn và tăng tính tích cực cho học sinh trong quá trình học tập. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít học sinh chưa thực sự hứng thú, đòi hỏi giáo viên cần có cách tổ chức phù hợp hơn.

- Để tìm hiểu các hình thức học sinh yêu thích khi học bài mới, chúng tôi sử dụng câu hỏi: "Khi học bài mới, em thích:?", (Câu 3 – Phụ lục phiếu điều

tra đối với học sinh) và thu được kết quả như sau:

Bảng 1.12. Hình thức học sinh yêu thích khi học bài mới

STT	Hình thức	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nghe thầy/cô giảng bài	88	36,67
2	Xem video, hình ảnh minh hoạ	147	61,25
3	Làm các thí nghiệm	171	71,25
4	Thảo luận với bạn để tìm ra vấn đề	136	56,67
5	Tự mình giải quyết vấn đề, tìm ra kiến thức mới	108	45,00
6	Tự tìm hiểu trước rồi chia sẻ với thầy/cô và bạn bè trong lớp	92	38,33

Kết quả ở Bảng 1.11 phản ánh rõ sự khác biệt trong mức độ lựa chọn giữa các hình thức học tập của học sinh khi tiếp cận bài mới môn Khoa học 5. Trước hết, hình thức "làm thí nghiệm" được lựa chọn nhiều nhất với 171/240 học sinh (71,25%), cho thấy các hoạt động mang tính trải nghiệm trực tiếp có sức hấp dẫn mạnh và phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học. Tiếp theo là "xem video, hình ảnh minh hoạ" với 147/240 học sinh (61,25%), thể hiện xu hướng ưu tiên các cách học tập mang tính trực quan, sinh động giúp hỗ trợ việc tiếp thu kiến thức. Nhóm các hoạt động mang tính tương tác xã hội như "thảo luận với bạn để tìm ra vấn đề" đạt 56,67%, phản ánh mức độ tham gia tương đối tích cực của học sinh trong môi trường học tập hợp tác. Trong khi đó, "tự mình giải quyết vấn đề, tìm ra kiến thức mới" chiếm 45,00%, cho thấy năng lực học tập độc lập đã bắt đầu hình thành nhưng chưa phải là lựa chọn nổi trội. Đáng chú ý, các hình thức mang tính truyền thống như "nghe thầy/cô giảng bài" chỉ đạt 36,67%, đứng gần cuối trong các lựa chọn. Điều này cho thấy vai trò truyền thụ một chiều không còn là phương thức được học sinh ưa thích. Tương tự, "tự tìm hiểu trước rồi chia sẻ với thầy/cô và bạn bè" đạt 38,33%, phản ánh việc học có sự chuẩn bị trước ở nhà vẫn chưa trở thành thói quen phổ biến.

Học sinh yêu thích hơn các hình thức học tập mang tính trải nghiệm và trực quan như làm thí nghiệm, xem video và hình ảnh minh hoạ. Bên cạnh đó, các hoạt động thảo luận và tự giải quyết vấn đề cũng được nhiều học sinh lựa chọn, thể hiện nhu cầu được tham gia tích cực vào quá trình học tập. Trong khi đó, hình thức nghe giảng truyền thống có tỉ lệ lựa chọn thấp hơn, cho thấy học sinh có xu

hướng hứng thú với các phương pháp học tập chủ động và sinh động hơn.

- Để tìm hiểu về tác dụng của học bằng tình huống, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi "Theo em, việc học bằng tình huống (câu chuyện, vấn đề thực tiễn,…) sẽ đem lại ích lợi gì?", (Câu 4 – Phụ lục phiếu điều tra đối với học sinh) và thu được kết quả như sau:

Bảng 1.13. Tác dụng của học bằng tình huống

STT	Tác dụng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hiểu và nhớ bài ngay trên lớp	178	74,17
2	Biết giải thích cho người khác hiểu vấn đề	138	57,50
3	Biết cách áp dụng kiến thức vào cuộc sống	201	83,75
4	Giúp học sinh tự tin hơn trong học tập	150	62,50

Kết quả Bảng 1.12 cho thấy học sinh có đánh giá khá tích cực về hiệu quả của việc học bằng tình huống. Tác dụng nổi bật nhất là "biết cách áp dụng kiến thức vào cuộc sống" (83,75%), tiếp đến là "hiểu và nhớ bài ngay trên lớp" (74,17%), cho thấy phương pháp này hỗ trợ tốt cả về vận dụng lẫn ghi nhớ kiến thức. Bên cạnh đó, "giúp học sinh tự tin hơn" đạt 62,50% và "biết giải thích cho người khác hiểu vấn đề" đạt 57,50%, phản ánh tác động tích cực đến năng lực diễn đạt và tâm lí học tập của học sinh. Nhìn chung, học bằng tình huống được đánh giá là mang lại nhiều lợi ích thiết thực, đặc biệt trong việc gắn kiến thức với thực tiễn và tăng tính chủ động của người học.

- Để tìm hiểu những khó khăn mà học sinh gặp phải khi tham gia xử li các tình huông trong giờ học, chúng tôi đưa ra câu hỏi sau: "Khi tham gia xử lí các tình huống trong giờ học, em thường gặp khó khăn nào sau đây?", (Câu 5 – Phụ lục phiếu điều tra đối với học sinh) và thu được kết quả sau:

Bảng 1.14. Khó khăn khi học bằng tình huống

STT	Khó khăn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Các tình huống của giáo viên đưa ra chưa thật sự thú vị	62	25,83
2	Các tình huống giáo viên đưa ra hơi khó hoặc không quen thuộc với em	89	37,08
3	Cách giải quyết tình huống của thầy/cô còn khó hiểu với em	75	31,25
4	Ý kiến của em khác với bạn nên khó trao đổi	67	27,92
5	Không có nhiều thời gian suy nghĩ kĩ tình huống	110	45,83
6	Lớp học ồn nên em khó tập trung	78	32,50
7	Em chưa quen với cách học bằng tình huống	74	30,83
8	Em ngại trình bày ý kiến của mình trước lớp	62	25,83

Kết quả Bảng 1.13 cho thấy học sinh gặp một số khó khăn nhất định khi học bằng tình huống, trong đó mức độ ảnh hưởng có sự phân hóa rõ rệt giữa các yếu tố. Khó khăn lớn nhất là "không có nhiều thời gian suy nghĩ kĩ tình huống" với 110/240 học sinh (45,83%), phản ánh hạn chế về thời lượng hoạt động trong giờ học khiến học sinh chưa có đủ thời gian để xử lí vấn đề một cách sâu sắc. Tiếp theo là "tình huống hơi khó hoặc không quen thuộc" chiếm 37,08%, cho thấy một bộ phận học sinh còn gặp trở ngại khi tiếp cận nội dung mới gắn với bối cảnh thực tiễn. Các khó khăn ở mức trung bình gồm "lớp học ồn" (32,50%), "cách giải quyết tình huống khó hiểu" (31,25%) và "chưa quen với cách học bằng tình huống" (30,83%), phản ánh cả yếu tố tổ chức lớp học lẫn mức độ thích ứng của học sinh với phương pháp học mới. Bên cạnh đó, "ý kiến khác với bạn nên khó trao đổi" đạt 27,92%, cho thấy hoạt động thảo luận nhóm đôi khi còn gặp trở ngại trong quá trình tương tác. Ở mức thấp hơn, "tình huống chưa thật sự thú vị" và "ngại trình bày ý kiến trước lớp" cùng chiếm 25,83%, cho thấy đa số học sinh vẫn tương đối cởi mở và hứng thú với hình

thức học tập này, dù vẫn còn một nhóm nhỏ gặp vấn đề về tâm lí và động lực học tập.

Nhìn chung, việc sử dụng tình huống trong dạy học môn Khoa học 5 phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học và mang lại hiệu quả tích cực, tuy nhiên cần được thiết kế và tổ chức hợp lí hơn để khắc phục các khó khăn còn tồn tại, từ đó nâng cao chất lượng dạy học.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 của đề tài đã tập trung làm rõ những cơ sở lí luận và thực tiễn liên quan đến việc xây dựng và sử dụng tình huống dạy học trong môn Khoa học lớp 5. Qua quá trình nghiên cứu, có thể thấy tình huống dạy học giữ vai trò quan trọng trong việc tạo hứng thú học tập, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh cũng như góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy phần lớn giáo viên đã nhận thức được ý nghĩa của việc sử dụng tình huống dạy học và đã bước đầu vận dụng vào quá trình tổ chức dạy học môn Khoa học. Tuy nhiên, việc thiết kế và sử dụng tình huống vẫn còn gặp nhiều khó khăn như thiếu tài liệu tham khảo, mất nhiều thời gian chuẩn bị và chưa có hệ thống tình huống phong phú, phù hợp với từng nội dung bài học. Về phía học sinh, các em tỏ ra hứng thú với những giờ học có sử dụng tình huống, song khả năng phân tích, xử lí và giải quyết tình huống vẫn còn hạn chế.

Từ những cơ sở lí luận và thực tiễn đã phân tích, đề tài xác định đây là nền tảng quan trọng để tiến hành xây dựng hệ thống tình huống dạy học và đề xuất cách thức sử dụng trong chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học lớp 5 ở chương 2.

Chương 2
XÂY DỰNG TÌNH HUỐNG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ "CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE" MÔN KHOA HỌC 5

2.1. Nguyên tắc xây dựng tình huống dạy học

Dựa trên quan điểm của Trịnh Văn Biều về xây dựng tình huống dạy học [6] và Phan Trọng Ngọ [21] đồng thời căn cứ vào đặc điểm nội dung chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5 và đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học, chúng tôi đề xuất một số nguyên tắc xây dựng tình huống dạy học như sau:

Nguyên tắc 1. Tình huống phải gắn với mục đích, nội dung dạy học

Mỗi tình huống dạy học được xây dựng đều phải phục vụ trực tiếp cho mục tiêu của bài học và phù hợp với nội dung kiến thức cần hình thành cho học sinh. Đây là nguyên tắc quan trọng giúp giáo viên tránh việc xây dựng tình huống mang tính hình thức nhưng không hỗ trợ quá trình lĩnh hội tri thức. Trong dạy học môn Khoa học 5, giáo viên cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt của bài học để lựa chọn nội dung tình huống phù hợp, từ đó định hướng cho học sinh khám phá và giải quyết vấn đề theo đúng trọng tâm kiến thức. Tình huống dạy học cần phản ánh được bản chất của sự vật, hiện tượng hoặc vấn đề khoa học mà học sinh cần tìm hiểu. Nội dung tình huống phải có mối liên hệ chặt chẽ với kiến thức mới, đồng thời tạo cơ hội để học sinh huy động vốn hiểu biết đã có nhằm phát hiện vấn đề và hình thành tri thức mới. Nếu tình huống không gắn với mục tiêu bài học, học sinh dễ bị phân tán sự chú ý hoặc hiểu sai trọng tâm kiến thức cần đạt.

Ví dụ khi dạy bài 23 "Các giai đoạn phát triển chính của con người" - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, giáo viên có thể đưa ra tình huống: "Bạn Nam học lớp 5 có chiều cao gần bằng bố nên cho rằng mình đã là người trưởng thành." Tình huống này phù hợp với mục tiêu bài học vì giúp học sinh phân biệt các giai đoạn phát triển của con người, đồng thời giúp các em nhận thức rằng sự phát triển không chỉ được biểu hiện qua sự thay đổi về chiều cao mà còn phụ thuộc vào độ tuổi, sự phát triển tâm lí và khả năng hoàn thiện các chức năng của cơ thể. Thông qua việc phân tích tình huống, học sinh có cơ hội huy động những hiểu biết đã có về sự phát triển của cơ thể người để lí giải vấn đề, từ đó hình thành nhận thức khoa học về các giai đoạn phát triển của con người. Như vậy, tình huống vừa tạo được mâu thuẫn nhận thức vừa hướng học sinh tập trung vào nội dung cốt lõi của bài học.

Nguyên tắc 2. Tình huống phải đảm bảo tính chính xác, tính khoa học

Môn Khoa học là môn học cung cấp cho học sinh những hiểu biết ban đầu về con người, tự nhiên và các hiện tượng xảy ra trong đời sống. Vì vậy, các tình huống dạy học được xây dựng phải đảm bảo tính chính xác, khoa học cả về nội dung lẫn cách diễn đạt. Nếu tình huống chứa thông tin sai lệch hoặc thiếu cơ sở khoa học sẽ dẫn đến việc học sinh hình thành nhận thức không đúng đắn, ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu kiến thức và phát triển tư duy khoa học. Tình huống dạy học cần phản ánh đúng bản chất của hiện tượng, phù hợp với đặc trưng của môn học và trình độ nhận thức của học sinh tiểu học. Nội dung tình huống phải có sự logic giữa kiến thức cũ và kiến thức mới, giữa lí thuyết với thực tiễn nhằm giúp học sinh từng bước khám phá vấn đề. Đặc biệt, tình huống cần chứa đựng mâu thuẫn nhận thức - tức là tạo ra sự khác biệt giữa điều học sinh đã biết và điều các em chưa giải thích được. Chính mâu thuẫn này sẽ kích thích nhu cầu tìm tòi, suy nghĩ và khám phá tri thức mới.

Ví dụ khi dạy bài 22 "Sự hình thành cơ thể người" - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, giáo viên có thể xây dựng tình huống: "Một bạn nhỏ cho rằng chỉ cần có mẹ thì sẽ có em bé vì em bé lớn lên trong bụng mẹ." Đây là tình huống vừa gần gũi vừa đảm bảo tính khoa học vì hướng học sinh tìm hiểu vai trò của cả bố và mẹ trong quá trình hình thành cơ thể người. Qua đó, học sinh hiểu được sự hình thành cơ thể người là sự kết hợp giữa trứng và tinh trùng để tạo thành hợp tử. Tình huống này không chỉ đúng về mặt khoa học mà còn phù hợp với mục tiêu giáo dục giới tính ở tiểu học.

Nguyên tắc 3. Tình huống phải mang tính thực tế, khả thi

Tình huống dạy học chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi học sinh cảm thấy vấn đề được đặt ra gần gũi với cuộc sống của mình. Vì vậy, tình huống cần xuất phát từ thực tiễn đời sống hằng ngày, từ những hiện tượng mà học sinh có thể quan sát, trải nghiệm hoặc gặp trong môi trường học tập và sinh hoạt. Điều này giúp học sinh dễ dàng liên hệ kiến thức với thực tế, từ đó nâng cao hứng thú học tập và khả năng vận dụng kiến thức vào cuộc sống. Ngoài tính thực tế, tình huống còn cần đảm bảo tính khả thi. Điều đó có nghĩa là nội dung tình huống phải phù hợp với điều kiện dạy học, thời gian tổ chức và khả năng giải quyết của học sinh. Một tình huống quá phức tạp hoặc xa rời trải nghiệm của học sinh sẽ khiến các em gặp khó khăn trong quá trình tìm hiểu và xử lí vấn đề. Ngược lại, những tình huống đơn giản, quen thuộc nhưng có yếu tố bất ngờ hoặc gợi suy nghĩ sẽ tạo động lực học tập tích cực hơn.

Ví dụ khi dạy bài 25 "Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì" - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, giáo viên có thể đưa ra tình huống: "Lan gần đây thường nổi mụn trên mặt và cảm thấy tự ti vì bị các bạn trêu chọc." Đây là tình huống mang tính thực tế cao vì nhiều học sinh lớp 5 bắt đầu có những thay đổi về cơ thể ở tuổi dậy thì. Đồng thời, tình huống cũng có tính khả thi vì học sinh có thể dựa trên hiểu biết và trải nghiệm của bản thân để trao đổi, thảo luận và tìm cách giải quyết. Qua đó, học sinh nhận thức được sự cần thiết của việc giữ vệ sinh cơ thể và chăm sóc sức khỏe ở tuổi dậy thì.

Nguyên tắc 4. Đảm bảo tính sư phạm

Tính sư phạm là yêu cầu quan trọng trong xây dựng tình huống dạy học, đặc biệt đối với học sinh tiểu học. Tình huống cần phù hợp với đặc điểm tâm lí, trình độ nhận thức và vốn sống của học sinh lớp 5. Nếu tình huống quá đơn giản sẽ không tạo được hứng thú và nhu cầu khám phá; ngược lại, nếu quá khó hoặc chứa nội dung vượt quá khả năng tiếp nhận của học sinh sẽ làm các em cảm thấy áp lực, chán nản hoặc mất tự tin trong học tập. Tình huống dạy học cần được diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu và có khả năng kích thích tư duy của học sinh. Nội dung tình huống phải gần gũi với môi trường sống, nhu cầu và sở thích của các em nhằm tạo sự đồng cảm và hứng thú khi tham gia giải quyết vấn đề. Đồng thời, giáo viên cần chú ý đến yếu tố cảm xúc, tránh sử dụng những tình huống gây sợ hãi, căng thẳng hoặc tác động tiêu cực đến tâm lí học sinh. Bên cạnh đó, số lượng tình huống trong một bài học cũng cần phù hợp để đảm bảo thời gian và hiệu quả tổ chức dạy học. Giáo viên không nên đưa quá nhiều tình huống khiến bài học trở nên rời rạc hoặc làm giảm thời lượng dành cho các hoạt động khám phá, luyện tập và vận dụng.

Ví dụ trong bài 24 "Nam và nữ" - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, giáo viên có thể xây dựng tình huống: "Trong giờ trực nhật, một số bạn cho rằng con gái nên quét lớp còn con trai nên bê bàn ghế." Đây là tình huống phù hợp với tâm lí và trải nghiệm thực tế của học sinh lớp 5. Tình huống không quá phức tạp nhưng đủ để tạo ra sự tranh luận và giúp học sinh nhận thức rằng việc phân công công việc không nên dựa trên định kiến giới. Qua đó, học sinh được giáo dục về sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và biết nhìn nhận vấn đề theo hướng tích cực hơn.

Nguyên tắc 5. Đảm bảo tính giáo dục

Bên cạnh chức năng cung cấp kiến thức, tình huống dạy học còn phải góp phần giáo dục phẩm chất, thái độ và hành vi đúng đắn cho học sinh. Đây

là nguyên tắc đặc biệt quan trọng đối với môn Khoa học 5 vì nhiều nội dung của môn học liên quan trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển cơ thể và các mối quan hệ xã hội của học sinh. Thông qua các tình huống dạy học, giáo viên không chỉ giúp học sinh hiểu vấn đề khoa học mà còn hình thành cho các em ý thức chăm sóc bản thân, biết tôn trọng người khác và có trách nhiệm với cộng đồng. Tình huống dạy học cần hướng học sinh đến những giá trị tích cực như yêu thương gia đình, biết bảo vệ sức khỏe, giữ gìn vệ sinh cá nhân, tôn trọng sự khác biệt và có kĩ năng tự bảo vệ bản thân. Nội dung tình huống phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và định hướng giáo dục của nhà trường, tránh những yếu tố phản cảm hoặc gây tác động tiêu cực đến nhận thức của học sinh.

Ví dụ khi dạy bài 26 "Phòng tránh bị xâm hại" - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, giáo viên có thể đưa ra tình huống: "Trên đường đi học về, Minh gặp một người lạ tự nhận là bạn của bố mẹ và đề nghị chở Minh về nhà. Người này còn hứa sẽ đưa Minh đi mua đồ chơi nếu Minh đồng ý đi cùng. Minh cảm thấy phân vân vì người đó nói chuyện rất thân thiện". Tình huống này đảm bảo tính giáo dục vì không chỉ giúp học sinh nhận biết nguy cơ bị xâm hại hoặc dụ dỗ từ người lạ mà còn góp phần hình thành cho các em kĩ năng tự bảo vệ bản thân trong thực tế cuộc sống. Thông qua việc phân tích và lựa chọn cách xử lí phù hợp, học sinh được giáo dục ý thức cảnh giác, biết từ chối lời dụ dỗ của người lạ và chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ người thân hoặc người đáng tin cậy khi gặp tình huống nguy hiểm.

2.2. Quy trình xây dựng tình huống dạy học

Từ quá trình nghiên cứu, chúng tôi thấy có rất nhiều tác giả nghiên cứu về thiết kế tình huống trong dạy học. Mặc dù đưa ra quy trình các bước khác nhau nhưng hầu hết các tác giả đều dựa trên đặc điểm nội dung bài học, mục tiêu đạt được và đặc điểm người học để xây dựng tình huống học tập. Đây là những đặc điểm quan trọng làm cơ sở để xây dựng tình huống trong dạy học bộ môn Khoa học ở tiểu học. Và cũng căn cứ trên những đặc điểm này, chúng tôi đề xuất quy trình xây dựng tình huống trong dạy học môn Khoa học 5 gồm 5 bước sau [6], [12]:

Bước 1. Xác định yêu cầu cần đạt của bài học

Xác định mục tiêu bài học là cơ sở định hướng cho quá trình xây dựng tình huống dạy học. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình môn Khoa học 5, nội dung bài học trong sách giáo khoa và định hướng phát triển phẩm chất, năng lực theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, giáo viên xác định

những kiến thức, kĩ năng và năng lực cần hình thành cho học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên lựa chọn nội dung và mức độ của tình huống phù hợp với mục tiêu bài học. Việc xác định đúng mục tiêu giúp tình huống tập trung vào trọng tâm kiến thức, đồng thời tạo cơ hội để học sinh huy động vốn hiểu biết, tham gia khám phá và giải quyết vấn đề trong quá trình học tập.

Bước 2. Phân tích nội dung bài học, nghiên cứu thực tiễn và các nguồn tư liệu

Việc phân tích nội dung bài học được thực hiện dựa trên sách giáo khoa, yêu cầu cần đạt và đặc điểm của chủ đề học tập. Thông qua đó, giáo viên xác định kiến thức trọng tâm, mối liên hệ giữa kiến thức cũ và kiến thức mới cũng như những nội dung có khả năng xây dựng thành tình huống có vấn đề. Đồng thời, giáo viên cần tìm hiểu thực tiễn học tập, vốn sống và những khó khăn học sinh thường gặp để lựa chọn nội dung tình huống phù hợp với nhận thức của học sinh lớp 5. Ngoài ra, giáo viên có thể khai thác thêm tranh ảnh, video, sơ đồ hoặc các hiện tượng thực tiễn nhằm tăng tính trực quan, sinh động và hấp dẫn cho tình huống dạy học.

Bước 3. Xác định mâu thuẫn trong nhận thức của học sinh và xây dựng bối cảnh tình huống

Việc xác định mâu thuẫn nhận thức được thực hiện trên cơ sở đối chiếu giữa vốn hiểu biết hiện có của học sinh với kiến thức mới cần hình thành trong bài học. Qua đó, giáo viên xác định những nội dung học sinh còn hiểu chưa đầy đủ hoặc chưa thể giải thích bằng kiến thức đã có để tạo ra tình huống có vấn đề. Mâu thuẫn nhận thức có thể xuất hiện từ những hiện tượng quen thuộc nhưng trái với suy nghĩ ban đầu của học sinh hoặc những vấn đề thực tiễn có nhiều cách lí giải khác nhau. Đồng thời, giáo viên cần xây dựng bối cảnh phù hợp, gần gũi với đời sống và trải nghiệm của học sinh nhằm giúp các em dễ hình dung vấn đề và hứng thú tham gia giải quyết tình huống.

Bước 4. Lựa chọn hình thức mô tả tình huống và kĩ thuật xây dựng tình huống

Căn cứ vào mục tiêu bài học, nội dung kiến thức và đặc điểm nhận thức của học sinh, giáo viên lựa chọn hình thức thể hiện tình huống phù hợp. Tình huống có thể được xây dựng dưới dạng câu chuyện, đoạn hội thoại, tranh ảnh, video hoặc hiện tượng thực tiễn nhằm tăng tính trực quan và tạo hứng thú học tập cho học sinh. Bên cạnh đó, giáo viên cần lựa chọn kĩ thuật xây dựng tình huống phù hợp với nội dung bài học.

Bước 5. Thiết kế tình huống

Trên cơ sở mục tiêu bài học, nội dung kiến thức, mâu thuẫn nhận thức và hình thức thể hiện đã xác định, giáo viên tiến hành thiết kế tình huống dạy học cụ thể. Khi thiết kế, giáo viên cần căn cứ vào đặc điểm tâm lí và trình độ nhận thức của học sinh lớp 5 để lựa chọn ngôn ngữ, cách diễn đạt và mức độ phức tạp phù hợp. Nội dung tình huống cần ngắn gọn, rõ ràng, đảm bảo tính khoa học và chứa đựng vấn đề cần giải quyết nhằm kích thích học sinh suy nghĩ, tìm tòi kiến thức mới. Đồng thời, tình huống cần xác định rõ nhiệm vụ học tập hoặc câu hỏi định hướng để học sinh có cơ sở tham gia thảo luận, phân tích và giải quyết vấn đề.

2.3. Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5

2.3.1. Thống kê các tình huống đã xây dựng

Dựa trên các nguyên tắc và quy trình xây dựng tình huống dạy học đã trình bày ở trên, chúng tôi tiến hành phân tích nội dung chủ đề " Con người và sức khỏe" và xây dựng hệ thống tình huống dạy học tương ứng. Kết quả được tổng hợp trong Bảng 2.1 "Thống kê các tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5"

Bảng 2.1. Thống kê các tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5

TT	Bài học	Nội dung kiến thức	Nội dung tình huống dạy học	Hoạt động dạy học
1	Bài 22. Sự hình thành cơ thể người	Mục 2: Cơ thể người được hình thành như thế nào?	Tình huống về sự hình thành cơ thể người	Hoạt động hình thành kiến thức
2	Bài 23: Các giai đoạn phát triển chính của con người	Mục 1: Các giai đoạn phát triển của con người	Tình huống về các giai đoạn phát triển của con người	Hoạt động hình thành kiến thức
3	Bài 24: Nam và nữ	Mục 1: Đặc điểm sinh học, đặc điểm xã	Tình huống về đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của nam và nữ	Hoạt động hình thành kiến thức

		hội của nam và nữ		
4	Bài 25: Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì	Mục 2: Sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì	Tình huống về giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì	Hoạt động luyện tập - củng cố
5	Bài 26: Phòng tránh bị xâm hại	Mục 2: Những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh	Tình huống về những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh	Hoạt động vận dụng - trải nghiệm
6	Bài 27: Ôn tập chủ đề con người và sức khỏe	Mục 3: Em sẽ làm gì nếu gặp tình huống như ở hình 3, 4?	Tình huống về cách phòng tránh bị xâm hại tình dục	Tình huống khởi động

2.3.2. Xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5

2.3.2.1. Tình huống bài 22 "Sự hình thành cơ thể người"

❖ Tên tình huống: "Em bé được hình thành như thế nào?"

Để xây dựng tình huống dạy học này, chúng tôi vận dụng quy trình thiết kế tình huống dạy học gồm 5 bước đã đề xuất ở mục 2.2. Tuy nhiên, do đề tài không xây dựng tình huống cho toàn bộ bài học mà chỉ tập trung vào một nội dung cụ thể trong bài nên ở bước 1, chúng tôi xác định mục tiêu của hoạt động có sử dụng tình huống và mục tiêu riêng của tình huống dạy học.

❖ *Bước 1. Xác định mục tiêu của hoạt động và mục tiêu của tình huống*

- Mục tiêu của hoạt động:

+ Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người.

+ Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ như: trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,… để trình bày quá trình hình thành cơ thể người.

- Mục tiêu của tình huống:

+ Tạo mâu thuẫn nhận thức giúp học sinh nhận ra rằng sự hình thành cơ thể người không chỉ liên quan đến người mẹ mà cần có sự tham gia của cả bố và mẹ.

+ Kích thích hứng thú tìm hiểu về quá trình hình thành cơ thể người.

❖ *Bước 2. Phân tích nội dung bài học, nghiên cứu thực tiễn và các nguồn tư liệu.*

- Nội dung bài học: Bài học giúp hiểu con người được hình thành từ sự thụ tinh và phát triển dần trong cơ thể mẹ cho đến khi chào đời.

- Thực tiễn: Học sinh lớp 5 thường chỉ hiểu sinh sản là "có thêm em bé" để chơi cùng mà vẫn chưa hiểu rõ ý nghĩa xã hội và sự nối tiếp các thế hệ (duy trì nòi giống).

- Tư liệu: Hình 1 SGK trang 77 và sơ đồ gia đình

❖ *Bước 3. Xác định mâu thuẫn trong nhận thức của HS và xây dựng bối cảnh tình huống.*

- Mâu thuẫn:

+ Học sinh đã biết: Em bé lớn lên trong bụng mẹ nên có thể sẽ nghĩ chỉ cần mẹ là sẽ có em bé.

+ Học sinh chưa biết rõ: Vai trò của bố (tinh trùng) trong việc tạo ra em bé.

Vì vậy xuất hiện mâu thuẫn:

+ Một bên: “Chỉ cần mẹ cũng có thể tạo ra em bé.”

+ Một bên: “Phải có cả bố và mẹ thì mới tạo ra em bé.”

Từ đó học sinh băn khoăn, chưa xác định được điều kiện cần để hình thành cơ thể người.

- Xây dựng bối cảnh tình huống:

+ Không gian khi học sinh tìm hiểu về sự hình thành cơ thể người.

+ Tình huống xuất phát:

Học sinh có những hiểu biết ban đầu khác nhau: Một số em cho rằng em bé được tạo ra chỉ từ cơ thể người mẹ vì em bé phát triển trong bụng mẹ. Một số em khác lại cho rằng cần có cả bố và mẹ nhưng chưa giải thích được vì sao.

❖ *Bước 4. Lựa chọn hình thức mô tả tình huống và kĩ thuật xây dựng tình huống.*

- Hình thức mô tả tình huống: Tình huống trên được xây dựng theo hình thức mô tả bằng lời (tình huống giả định có vấn đề) trong dạy học:

+ Không dùng tranh, video mà diễn đạt bằng ngôn ngữ**.**

+ Đặt học sinh vào một vấn đề nhận thức chưa rõ ràng để suy nghĩ.

- Kĩ thuật xây dựng tình huống: Sử dụng kĩ thuật tạo mâu thuẫn nội tại kết hợp với đặt câu hỏi gợi mở. Cụ thể, đưa ra 2 quan điểm trái ngược làm học sinh phân vân, chưa biết chọn đáp án nào**:**

+ Chỉ cần mẹ cũng có thể tạo ra em bé

+ Phải có cả bố và mẹ thì mới tạo ra em bé

- Dùng câu hỏi gợi mở để kích thích suy nghĩ của học sinh: "Chỉ cần mẹ có đủ không? Hay phải có cả bố và mẹ?"

❖ *Bước 5. Thiết kế tình huống.*

Một bạn nhỏ tò mò hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, em bé trong bụng mẹ được tạo ra như thế nào ạ? Có phải tự nhiên mà có không?

Mẹ mỉm cười âu yếm, vuốt tóc bạn nhỏ và nhẹ nhàng hỏi lại:

- Con hãy thử đoán xem nào, theo con thì chỉ cần một mình mẹ thôi là có thể tạo ra một em bé đáng yêu như con không? Hay là… phải có cả bố và mẹ thì mới được nhỉ?

Bạn nhỏ băn khoăn, chưa biết giải thích thế nào.

2.3.2.2. Tình huống bài 23 "Các giai đoạn phát triển của con người"

❖ Tên tình huống: "Ai là người lớn?"

Đây là bài học có vai trò nền tảng, giúp học sinh nhận thức được quá trình phát triển của con người theo các giai đoạn, từ đó làm cơ sở để tiếp cận các nội dung tiếp theo như chăm sóc sức khỏe, vệ sinh cơ thể và phòng tránh bệnh tật. Bài học không chỉ cung cấp kiến thức khoa học cơ bản mà còn góp phần giáo dục học sinh về sự tôn trọng, yêu thương các thế hệ trong gia đình và xã hội.

❖ *Bước 1. Xác định mục tiêu của hoạt động và mục tiêu của tình huống*

- Mục tiêu của hoạt động:

Phân biệt một số giai đoạn phát triển chính của con người (tuổi ấu thơ, tuổi dậy thì, tuổi trưởng thành,…)

- Mục tiêu của tình huống:

+ Tạo mâu thuẫn nhận thức giúp học sinh nhận ra rằng sự phát triển thể chất và sự trưởng thành toàn diện là khác nhau

+ Kích thích hứng thú tìm hiểu về các giai đoạn phát triển của con người

❖ *Bước 2. Phân tích nội dung bài học, nghiên cứu thực tiễn và các nguồn tư liệu.*

- Nội dung bài học:

Học sinh nhận biết được 4 giai đoạn phát triển của con người:

+ Tuổi ấu thơ: cơ thể đang phát triển, còn phụ thuộc nhiều vào người lớn.

+ Tuổi vị thành niên: phát triển nhanh về thể chất và có nhiều biến đổi về tâm sinh lí.

+ Tuổi trưởng thành: cơ thể phát triển hoàn thiện, có khả năng lao động và đóng góp cho xã hội.

+ Tuổi già: sức khỏe giảm dần, cần được chăm sóc.

- Thực tiễn:

+ Học sinh lớp 5 đang có những thay đổi rõ rệt về thể chất và tâm lí, nhưng chưa hiểu rõ nguyên nhân.

+ Gia đình học sinh thường có nhiều thế hệ, tạo điều kiện thuận lợi để liên hệ bài học.

+ Tuy nhiên, một số học sinh còn nhầm lẫn giữa các giai đoạn phát triển và ngại trao đổi về sự thay đổi cơ thể.

- Các nguồn tư liệu:

+ Sách giáo khoa Khoa học 5 – Kết nối tri thức với cuộc sống.

+ Tài liệu khoa học từ Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) về phân chia độ tuổi.

+ Luật Người cao tuổi Việt Nam (2009).

+ Tư liệu thực tế từ gia đình và đời sống học sinh.

+ Hình ảnh, video minh họa về các giai đoạn phát triển của con người.

❖ *Bước 3. Xác định mâu thuẫn trong nhận thức của HS và xây dựng bối cảnh tình huống.*

- Nhận thức ban đầu của học sinh: Nhiều em thường cho rằng cao lớn thì sẽ là người lớn.

- Yêu cầu nhận thức mới: Hiểu rằng việc phân biệt trẻ em – người trưởng thành không chỉ dựa vào hình dáng bên ngoài mà còn phụ thuộc vào độ tuổi, sự phát triển toàn diện của cơ thể và tâm lí.

- Mâu thuẫn: Giữa suy nghĩ cảm tính (dựa vào chiều cao, hình dáng) và kiến thức khoa học (đánh giá dựa trên sự phát triển toàn diện).

❖ *Bước 4. Lựa chọn hình thức mô tả tình huống và kĩ thuật xây dựng tình huống.*

- Hình thức mô tả tình huống: hình thức kể chuyện – hội thoại ngắn gắn với nhân vật gần gũi**.**

- Kĩ thuật xây dựng tình huống: Tạo mâu thuẫn nhận thức (mâu thuẫn nội tại)

❖ *Bước 5. Thiết kế tình huống.*

Bạn Nam năm nay đang học lớp 5 tự hào nói:

- Tớ cao gần 1m6 rồi, gần bằng người lớn, vậy tớ là người trưởng thành rồi, không còn là trẻ em nữa đâu nhé.

Nghe vậy, bạn Lan liền phản đối:

- Không phải đâu Nam ơi! Dù cậu có cao lớn đến mấy thì cậu vẫn là trẻ em thôi. Người lớn đâu có chỉ tính bằng chiều cao!

Cả hai bạn cứ thế tranh luận mãi mà vẫn chưa ai chịu nhường ai, khiến nhóm bạn xung quanh cũng xôn xao bàn tán.

Theo em, ý kiến của bạn nào đúng? Vì sao?

2.3.2.3.Tình huống bài 24: "Nam và nữ"

❖ Tên tình huống: "Những mảnh ghép khác biệt"

❖ *Bước 1. Xác định mục tiêu của hoạt động và mục tiêu của tình huống.*

- Mục tiêu của hoạt động:

+ Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ.

+ Thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới.

- Mục tiêu của tình huống:

+ Giúp học sinh phân biệt nam và nữ dựa trên cấu tạo cơ thể chứ không chỉ nhìn vào quần áo, sở thích bên ngoài.

+ Kích thích hứng thú tìm hiểu về sự khác biệt giữa đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội giữa nam và nữ

❖ *Bước 2. Phân tích nội dung bài học, nghiên cứu thực tiễn và các nguồn tư liệu.*

- Nội dung bài học:

+ Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ

- Thực tiễn**:**

+ Học sinh vẫn tồn tại suy nghĩ như: Con trai phải mạnh mẽ, con gái phải dịu dàng.

+ Phân chia công việc theo giới (con gái quét lớp, con trai bê bàn…).

Tư liệu:

- Sách giáo khoa Khoa học lớp 5 – bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

- Sách giáo viên và tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Tài liệu về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên (Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT).

❖ *Bước 3. Xác định mâu thuẫn trong nhận thức của HS và xây dựng bối cảnh tình huống.*

- Mâu thuẫn:

+ Học sinh đã biết: Con trai và con gái thường có sự khác biệt rõ rệt về sở thích, cách ăn mặc, đầu tóc bên ngoài.

+ Học sinh chưa biết rõ: Sự khác biệt đó bắt nguồn từ đặc điểm cấu tạo cơ thể bên trong của mỗi giới từ khi mới sinh ra.

Vì vậy xuất hiện mâu thuẫn:

+ Một bên: Sự khác biệt giới tính chỉ là do thói quen, sở thích bên ngoài

+ Một bên: Sự khác biệt xuất phát từ cấu tạo cơ thể và lý do khoa học

- Xây dựng bối cảnh tình huống:

+ Không gian khi học sinh tìm hiểu về sự khác biệt giữa đặc điểm cơ thể và đặc điểm xã hội giữa nam và nữ.

+ Tình huống xuất phát: Chuẩn bị đồ dã ngoại, bạn nam thắc mắc khi thấy vali em gái toàn váy áo điệu đà còn mình là đồ thể thao.

❖ *Bước 4. Lựa chọn hình thức mô tả tình huống và kĩ thuật xây dựng tình huống.*

- Hình thức mô tả tình huống: Tình huống dạng kể chuyện (tường thuật kết hợp hội thoại)

+ Tình huống được xây dựng dưới dạng một câu chuyện gần gũi trong đời sống gia đình (chuẩn bị đi dã ngoại).

+ Có nhân vật cụ thể.

+ Có lời thoại trực tiếp giúp dẫn dắt vấn đề.

+ Nội dung mang tính tự nhiên, dễ tiếp cận với học sinh tiểu học.

- Kĩ thuật xây dựng tình huống:

+ Sử dụng kĩ thuật tạo mâu thuẫn nội tại kết hợp với đặt câu hỏi gợi mở

+ Đưa ra 2 quan điểm trái ngược là sự khác biệt trong cách ăn mặc và thích giữa nam và nữ là do: thói quen, sở thích hay do đặc điểm cơ thể.

Câu hỏi gợi mở nhằm kích thích tư duy và định hướng học sinh khám phá nguyên nhân khoa học của vấn đề: "Vì sao con trai và con gái lại có sự khác biệt như vậy?"

❖ *Bước 5. Thiết kế tình huống.*

Những mảnh ghép khác biệt

Cả nhà đang cùng nhau chuẩn bị đồ đạc cho chuyến dã ngoại cuối tuần của trường. Hải nhìn sang chiếc vali của cô em gái, thấy toàn là váy áo điệu đà, trong khi đồ của mình lại là những bộ quần áo thể thao năng động. Cậu bỗng nảy ra một thắc mắc rồi chạy đến bên mẹ đang ngồi ở phòng khách.

- Mẹ ơi, con thấy trong lớp các bạn nữ thường thích mặc váy và để tóc dài, còn tụi con trai lại thích mặc quần đùi, áo phông và cắt tóc ngắn. Tại sao từ cách ăn mặc đến sở thích của con trai và con gái lại có sự khác biệt rõ rệt như vậy hả mẹ?

Mẹ Hải mỉm cười, gấp lại chiếc áo sơ mi rồi ra hiệu cho Hải ngồi xuống cạnh bên:

- Câu hỏi của con rất thú vị đấy! Thực ra, sự khác biệt trong cách ăn mặc hay sở thích không chỉ là thói quen, mà nó còn xuất phát từ việc cơ thể con trai và con gái có những đặc điểm cấu tạo riêng biệt từ khi mới sinh ra.

Mẹ nhìn vào mắt Hải, giải thích một cách cởi mở:

- Những đặc điểm khác nhau về cơ cấu cơ thể bên trong chính là lý do vì sao chúng ta có sự lựa chọn trang phục khác nhau để đảm bảo sự thoải mái, thuận tiện và bảo vệ cơ thể tốt nhất. Chính sự khác biệt đó tạo nên sự đa dạng và vẻ đẹp riêng của mỗi giới.

Thấy Hải vẫn còn đang suy ngẫm, mẹ khích lệ:

- Bây giờ, bằng những kiến thức khoa học con đã học ở trường, con thử liệt kê cho mẹ xem giữa con trai và con gái có những đặc điểm cơ thể nào giống nhau và khác nhau mà con biết không? Nếu hiểu rõ điều này, con sẽ thấy việc các bạn nữ mặc váy hay các bạn nam mặc quần đều có lý do khoa học của nó cả đấy!

2.3.2.4.Tình huống bài 25 "Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì"

❖ Tên tình huống: "Tại sao mặt con lại nổi những nốt lạ?"

❖ *Bước 1. Xác định mục tiêu của hoạt động và mục tiêu của tình huống*

- Mục tiêu của hoạt động:

+ Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.

+ Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.

+ Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài

- Mục tiêu của tình huống:

+ Giúp học sinh nhận biết mụn trứng cá là hiện tượng sinh lý bình thường của tuổi dậy thì chứ không phải sự kém xinh đáng ngại ngùng.

+ Giải tỏa tâm lý lo lắng, giúp các em chủ động đón nhận sự thay đổi của cơ thể và biết cách chăm sóc bản thân đúng cách.

❖ *Bước 2: Phân tích nội dung bài học, nghiên cứu thực tiễn các nguồn tư liệu*

- Nội dung bài học: Nội dung bài học có tính thực tiễn cao, gắn trực tiếp với sự phát triển sinh lí và tâm lí của học sinh.

+ Ở lứa tuổi này, cơ thể bắt đầu có nhiều thay đổi (tăng tiết mồ hôi, bã nhờn, thay đổi cơ quan sinh dục…), do đó việc giữ vệ sinh cá nhân trở nên đặc biệt quan trọng

- Thực tiễn:

+ Đặc điểm học sinh: Học sinh lớp 5 bắt đầu bước vào tuổi dậy thì có biểu hiện như ra nhiều mồ hôi, rễ nổi mụn, ngại chia sẻ vấn đề cá nhân,…

- Trong thực tế:

+ Nhiều học sinh chưa có thói quen tắm rửa đều đặn, vệ sinh cá nhân qua loa, chưa biết vệ sinh đúng cách cơ quan sinh dục.

+ Một số em bị mụn nhưng không biết nguyên nhân, ngại hỏi người lớn hoặc giáo viên

- Tư liệu:

+ Sách giáo khoa Khoa học lớp 5, Sách giáo viên Khoa học 5

+ Tài liệu giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên

+ Hướng dẫn của Bộ Y tế về vệ sinh cá nhân

+ Tài liệu chăm sóc da, vệ sinh tuổi dậy thì

❖ *Bước 3. Xác định mâu thuẫn trong nhận thức của HS và xây dựng bối cảnh tình huống.*

- Mâu thuẫn**:**

+ Học sinh nghĩ việc vệ sinh cơ thể là không quá cần thiết hoặc làm qua loa là được.

+ Thực tế lại cho thấy nếu không giữ vệ sinh đúng cách sẽ gây ra nhiều vấn đề sức khỏe.

- Bối cảnh:

+ Không gian: Khi học sinh tìm hiểu về những thay đổi về mặt sinh lý và tâm lý ở tuổi dậy thì.

+ Tình huống xuất phát**:** Đi học về, Lan buồn bã tâm sự với mẹ vì bị các bạn trêu chọc khi trên mặt xuất hiện những nốt mụn trứng cá.

❖ *Bước 4. Lựa chọn hình thức mô tả tình huống và kĩ thuật xây dựng tình huống.*

- Hình thức mô tả tình huống:

+ Tình huống trên được xây dựng theo hình thức kể chuyện kết hợp đối thoại

+ Có bối cảnh gần gũi: sau giờ học, trong gia đình.

+ Có nhân vật cụ thể: Lan và mẹ.

+ Có diễn biến tâm lí rõ ràng: từ buồn bã, tự ti, được giải thích, mong muốn tìm cách giải quyết.

- Kĩ thuật xây dựng tình huống: Tình huống sử dụng kĩ thuật tạo mâu thuẫn nhận thức kết hợp với gợi mở:

+ Học sinh có suy nghĩ: *mụn thì xấu, đáng xấu hổ, cần tránh né*

+ Thực tế khoa học: *mụn trứng cá là dấu hiệu bình thường của tuổi dậy thì*

❖ *Bước 5. Thiết kế tình huống.*

Tại sao mặt con lại nổi những nốt lạ?

Hôm nay, đi học về Lan có vẻ không vui như mọi ngày. Mẹ Lan lo lắng hỏi:

- Con gái, vì sao con trông có vẻ buồn thế? Ở lớp có chuyện gì hả con?

Lan buồn bã nói với mẹ:

- Mẹ ơi, dạo này các bạn cứ chọc con. Con buồn lắm!

- Sao các bạn lại chọc con vậy? Nói mẹ nghe nào?

- Các bạn cứ bảo mặt con trông "nở hoa" vì có mấy cái nốt đỏ! Con cũng cảm thấy gần đây trên trán và hai bên má cứ nổi lên những nốt mụn rất khó chịu mẹ ạ! Con chẳng dám ngẩng mặt lên nhìn ai, cũng không muốn đi chơi với các bạn nữa vì thấy mình kém xinh quá!

Mẹ cười bảo Lan:

- Ôi con gái mẹ đã lớn rồi! Con có biết khi mặt con bắt đầu nổi mụn trứng cá là con đã bước vào tuổi dậy thì rồi không? Đó là điều hoàn toàn bình thường, nó báo hiệu con bắt đầu bước vào giai đoạn sắp trở thành một thiếu nữ rồi đấy!

- Nhưng mụn trứng cá làm con không tự tin chút nào mẹ ạ! Con thấy ngại lắm! Mẹ có cách nào giúp con làm hết mấy nốt mụn đó không ạ?

2.3.2.5. Tình huống Bài 26 "Phòng tránh bị xâm hại"

❖ Tên tình huống: Có nên đi theo người lạ

❖ *Bước 1. Xác định mục tiêu của hoạt động và mục tiêu của tình huống.*

- Mục tiêu của hoạt động:

+ Nói được về cảm giác an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản hồi mọi sự xâm hại.

+ Trình bày được những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại.

+ Lập được danh sách những người đáng tin cậy để được giúp đỡ khi cần.

+ Đưa ra được yêu cầu giúp đỡ khi bản thân hoặc bạn bè có nguy cơ bị xâm hại.

- Mục tiêu của tình huống:

+ Giúp học sinh nhận biết được nguy cơ bị xâm hại và nâng cao ý thức về kỹ năng phòng tránh bị xâm hại, bảo vệ an toàn cho bản thân.

+ Giáo dục sự đồng cảm, sẻ chia với những nạn nhân bị tổn thương và nhận thức được vai trò quan trọng của tình yêu thương gia đình, xã hội trong việc vượt qua nghịch cảnh.

❖ *Bước 2. Phân tích nội dung bài học, nghiên cứu thực tiễn và các nguồn tư liệu.*

- Nội dung bài học:

+ Nhận diện các nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục:

+ Cách phòng tránh và ứng phó

- Thực tiễn:

+ Tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục vẫn xảy ra, trong đó: Nhiều trường hợp đến từ người quen hoặc môi trường gần gũi**,** trẻ thiếu kỹ năng nhận biết nguy cơ và ngại chia sẻ khi gặp vấn đề,…

+ Học sinh tiểu học: Thường ngây thơ, dễ tin người**,** chưa phân biệt rõ ranh giới an toàn – không an toàn.

- Tư liệu:

+ Sách giáo khoa, sách giáo viên Khoa học

+ Luật Trẻ em Việt Nam (2016).

+ Tài liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục kỹ năng sống và bảo vệ trẻ em**.**

❖ *Bước 3. Xác định mâu thuẫn trong nhận thức của HS và xây dựng bối cảnh tình huống.*

- Mâu thuẫn nhận thức

+ Một bên: Phải nghe lời người lớn, giúp đỡ người khác.

+ Một bên: Có những trường hợp phải từ chối, tránh xa để đảm bảo an toàn.

- Xây dựng bối cảnh tình huống:

+ Không gian: Khi học sinh học về chủ đề phòng tránh bị xâm hại và bảo vệ an toàn cho bản thân.

+ Tình huống xuất phát: Một bạn nhỏ bị người lạ tiếp cận trên đường đi học về

❖ *Bước 4. Lựa chọn hình thức mô tả tình huống và kĩ thuật xây dựng tình huống.*

- Hình thức mô tả tình huống: Mô tả bằng câu chuyện kể để tăng tính biểu cảm và chân thực.

- Kĩ thuật xây dựng tình huống: Tình huống sử dụng kĩ thuật tạo mâu thuẫn nhận thức kết hợp với gợi mở.

❖ *Bước 5. Thiết kế tình huống.*

Sau giờ tan học, khi đang đứng chờ bố mẹ đón ở cổng trường, một người lạ đến hỏi đường, rồi tiếp tục bắt chuyện rất thân thiện. Một lúc sau, người đó nói

gần đây có cửa hàng đang phát miễn phí bánh kẹo, gấu bông và rủ em đi cùng để nhận quà.

Em có nên đi theo người đó hay không? Nếu gặp tình huống này, em xử lí như thế nào?

2.3.2.6. Tình huống bài 27 "Ôn tập chủ đề con người và sức khỏe"

❖ Tên tình huống: " Nỗi buồn của Nam"

❖ *Bước 1. Xác định mục tiêu của hoạt động và mục tiêu của tình huống.*

- Mục tiêu của hoạt động: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

- Mục tiêu của tình huống: giáo dục lòng bao dung, sự tôn trọng sự khác biệt và xây dựng môi trường học đường lành mạnh, không có bạo lực ngôn từ.

❖ *Bước 2. Phân tích nội dung bài học, nghiên cứu thực tiễn và các nguồn tư liệu.*

- Nội dung bài học:

+ Giúp học sinh nhận biết hành vi miệt thị ngoại hình, chê bai hoàn cảnh và cô lập bạn bè.

+ Giáo dục sự thấu cảm, kỹ năng lên tiếng bảo vệ bạn và xây dựng tình bạn văn minh.

- Thực tiễn**:**

+ Vấn đề trêu chọc ngoại hình, hoàn cảnh vẫn xảy ra phổ biến ở trường học; học sinh vô tình hùa theo mà không biết mình đang làm tổn thương bạn.

+ Tâm lý lứa tuổi tiểu học rất nhạy cảm, dễ tự ti, mặc cảm nếu bị chê bai; đồng thời nhiều em còn e dè, chưa dám lên tiếng can ngăn cái xấu.

❖ *Bước 3. Xác định mâu thuẫn trong nhận thức của HS và xây dựng bối cảnh tình huống.*

- Mâu thuẫn nhận thức

+ Một bên: Học sinh đã được học về việc yêu thương bạn bè, nhưng thực tế các em lại phán xét, chê bai ngoại hình và sự lấm lem của bạn khác.

+ Một bên: Các em nghĩ rằng việc trêu chọc, đặt biệt danh (*"nhem nhuốc"*, *"lùn như nấm"*) chỉ là đùa vui vô hại, nhưng thực tế nó lại gây tổn thương tinh thần sâu sắc và cô lập bạn mình.

- Xây dựng bối cảnh tình huống:

+ Không gian: Sau khi học sinh học xong kiến thức khoa học về vệ sinh và sức khỏe.

+ Tình huống xuất phát: Hai bạn nữ chê bai, miệt thị ngoại hình và trang phục của Nam ngay trong giờ học, gây ra sự tổn thương cho bạn và tạo ra mâu thuẫn nhận thức cần giải quyết cho cả lớp.

❖ *Bước 4. Lựa chọn hình thức mô tả tình huống và kĩ thuật xây dựng tình huống.*

- Hình thức mô tả tình huống: Tình huống trên được xây dựng theo hình thức mô tả bằng lời (tình huống giả định có vấn đề) trong dạy học.

+ Không dùng tranh, video mà diễn đạt bằng ngôn ngữ**.**

+ Đặt học sinh vào một vấn đề nhận thức chưa rõ ràng để suy nghĩ.

- Kĩ thuật xây dựng tình huống: Sử dụng kĩ thuật tạo mâu thuẫn nội tại kết hợp với đặt câu hỏi gợi mở**:** *"Em sẽ làm gì nếu ở trong tình huống của bạn Nam?"*. Không đưa ra giải pháp ngay để kích thích học sinh tự tranh luận, đóng vai và tìm hướng giải quyết.

❖ *Bước 5: Thiết kế tình huống*

Đang trong giờ học, bạn Lan ở bàn dưới nhìn lên bạn Nam ngồi bàn đầu. Thấy chiếc áo đồng phục của Nam bị lấm lem vài vết bùn bẩn, vóc dáng Nam lại thấp bé hơn các bạn, Lan liền ghé tai thì thầm với Hương:

- Nhìn cậu ấy lúc nào cũng nhem nhuốc, người thì lùn như nấm ấy

Lan vừa nói vừa chỉ tay về phía Nam rồi cười khúc khích. Hương nghe vậy thì tỏ vẻ phân vân, đắn đo không biết nên làm thế nào. Nam nghe thấy lời chê bai của bạn thì cúi gầm mặt xuống cuốn sách, gương mặt lộ rõ vẻ buồn bã và tự ti.

Nếu là học sinh chứng kiến câu chuyện trên, em sẽ làm gì?

2.4. Đề xuất cách sử dụng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5

2.4.1. Cách sử dụng tình huống trong tiến trình tổ chức dạy học

Trong quá trình tổ chức dạy học môn Khoa học lớp 5, giáo viên có thể sử dụng tình huống ở nhiều giai đoạn khác nhau của bài học như: hoạt động khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập – củng cố và vận dụng – trải nghiệm. Mỗi giai đoạn có mục đích riêng nên cách sử dụng tình huống cũng cần có sự điều chỉnh phù hợp nhằm phát huy hiệu quả của hoạt động dạy học.

2.4.1.1. Sử dụng tình huống trong hoạt động khởi động

- Hoạt động khởi động là giai đoạn mở đầu của tiết học, có vai trò tạo tâm thế học tập và kích thích nhu cầu nhận thức của học sinh. Ở giai đoạn này, tình huống được sử dụng chủ yếu nhằm gây hứng thú, tạo mâu thuẫn nhận thức và định hướng học sinh vào nội dung bài học.

- Khi sử dụng tình huống trong hoạt động khởi động, giáo viên cần chú ý:

+ Tình huống phải ngắn gọn, dễ hiểu và phù hợp với thời lượng đầu giờ học.

+ Nội dung tình huống cần gần gũi với đời sống học sinh.

+ Giáo viên không nên giải thích ngay mà cần đặt câu hỏi gợi mở để học sinh suy nghĩ.

+ Cần tạo cơ hội cho nhiều học sinh tham gia trao đổi nhằm phát huy tính tích cực học tập.

Thông qua việc sử dụng tình huống ở hoạt động khởi động, học sinh không chỉ hứng thú với bài học mà còn hình thành nhu cầu khám phá kiến thức mới. Đây là cơ sở quan trọng giúp tiết học diễn ra tự nhiên và hiệu quả hơn.

2.4.1.2. Sử dụng tình huống trong hoạt động hình thành kiến thức

- Trong hoạt động hình thành kiến thức, tình huống được sử dụng nhằm dẫn dắt học sinh khám phá nội dung mới, phát hiện vấn đề và từng bước hình thành tri thức khoa học.

- Trong quá trình dạy học, mặc dù các tình huống được xây dựng chủ yếu để sử dụng trong hoạt động khởi động, nhưng nội dung hay vấn đề đặt ra trong tình huống cũng có thể hỗ trợ hoạt động hình thành kiến thức mới. Sau khi học sinh tiếp cận tình huống ở phần khởi động, giáo viên sẽ định hướng học sinh quan sát, thảo luận và khai thác nội dung bài học để giải thích hoặc làm rõ vấn đề đã nêu trong tình huống. Qua đó, học sinh từng bước tiếp cận kiến thức mới một cách tự nhiên và chủ động hơn.

- Ví dụ bài 22 "Sự hình thành cơ thể người ", từ tình huống "Em bé được hình thành như thế nào?", giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát sơ đồ quá trình thụ tinh để giúp học sinh hiểu về vai trò của trứng và tinh trùng trong sự hình thành cơ thể người.

Như vậy, mặc dù tình huống không được sử dụng trực tiếp như một nội dung riêng trong hoạt động hình thành kiến thức, nhưng các vấn đề được đặt ra từ tình huống có tác dụng định hướng nhận thức, giúp học sinh tích cực tham gia vào quá trình khám phá và lĩnh hội kiến thức khoa học.

2.4.1.3. Sử dụng tình huống trong hoạt động luyện tập – củng cố

- Sau khi hình thành kiến thức mới, giáo viên có thể tiếp tục khai thác tình huống đã sử dụng ở hoạt động khởi động hoặc mở rộng thêm các tình huống tương tự nhằm giúp học sinh khắc sâu kiến thức và rèn luyện khả năng vận dụng vào thực tiễn.

- Ở giai đoạn này, tình huống thường được sử dụng dưới dạng: xử lí tình huống, lựa chọn cách giải quyết, đóng vai, thảo luận nhóm, đưa ra lời khuyên cho nhân vật. Thông quá đó, học sinh có cơ hội vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề gần gũi trong cuộc sống.

- Ví dụ bài 25 "Chăm sóc sức khoẻ tuổi dậy thì", sau khi học sinh tìm hiểu nguyên nhân khiến Lan tự ti vì mặt xuất hiện những nốt li ti ở tuổi dậy thì, giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận với câu hỏi: "Nếu là Lan em sẽ làm gì để chăm sóc cơ thể và tự tin hơn trước bạn bè?". Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để đưa ra các biện pháp giữ vệ sinh cơ thể (vệ sinh mặt), chế độ ăn uống hợp lí, không nên quá mặc cảm về sự thay đổi của cơ thể ở tuổi dậy thì. Như vậy, qua hoạt động này, học sinh không chỉ củng cố được kiến thức về chăm sóc sức khoẻ tuổi dậy thì mà còn hình thành thái độ tích cực đối với bản thân.

2.4.1.4. Sử dụng tình huống trong hoạt động vận dụng – trải nghiệm

- Hoạt động vận dụng – trải nghiệm giúp học sinh liên hệ kiến thức với thực tiễn cuộc sống. Trong hoạt động này, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ gắn với những tình huống gần gũi nhằm hình thành thái độ và hành vi ứng xử phù hợp.

- Ví dụ sau khi học bài 26 "Phòng tránh bị xâm hại", giáo viên yêu cầu học sinh lập danh sách người đáng tin cậy để tìm kiếm sự giúp đỡ khi gặp nguy hiểm. Đồng thời, yêu cầu học sinh thảo luận và chia sẻ cách ứng xử phù hợp khi gặp một số tình huống không an toàn trong cuộc sống, như: "Sau giờ tan học, khi đang đứng chờ bố mẹ đón ở cổng trường, một người lạ đến hỏi đường, rồi tiếp tục bắt chuyện rất thân thiện. Một lúc sau, người đó nói gần đây có cửa hàng đang phát miễn phí bánh kẹo, gấu bông và rủ em đi cùng để nhận quà. Em có nên đi theo người đó hay không? Nếu gặp tình huống này, em xử lí như thế nào?". Qua hoạt động này, học sinh biết vận dụng kiến thức đã học để bảo vệ bản thân và nâng cao ý thức phòng tránh nguy cơ bị xâm hại.

2.4.2. Một số lưu ý khác khi sử dụng tình huống dạy học

Để việc sử dụng tình huống dạy học đạt hiệu quả, giáo viên cần chú ý một số vấn đề sau:

- Định hướng thảo luận tình huống: Trong quá trình tổ chức thảo luận, giáo viên cần sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh nhằm định hướng quá trình thảo luận. Trong quá trình tổ chức hoạt động, giáo viên cần khuyến khích học sinh giải thích lí do, mạnh dạn trình bày ý kiến thay vì áp đặt đáp án ngay từ đầu.

- Quản lí thời gian khi sử dụng tình huống: Giáo viên cần xác định rõ mục tiêu của tình huống, lựa chọn nội dung trọng tâm để phân bổ thời gian hợp lí, tránh kéo dài ảnh hưởng đến các hoạt động khác của bài học. Thời lượng gợi ý khi sử dụng tình huống cho các hoạt động trong tiến trình dạy học, cụ thể: hoạt động khởi động – 3 đến 5 phút, hình thành kiến thức – 7 đến 10 phút, luyện tập – 5 đến 7 phút, vận dụng – 3 đến 5 phút

- Xử lí phản hồi của học sinh: Trong quá trình thảo luận, học sinh có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau. Giáo viên cần tôn trọng suy nghĩ của học sinh, lắng nghe và sử dụng câu hỏi gợi mở để giúp các em tự điều chỉnh nhận thức. Đối với những nội dung nhạy cảm như tuổi dậy thì hoặc phòng tránh bị xâm hại, giáo viên cần có cách trao đổi nhẹ nhàng, phù hợp với tâm lí lứa tuổi.

- Lựa chọn tình huống phù hợp: Việc lựa chọn tình huống phù hợp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hiệu quả của quá trình dạy học. Tình huống cần phù hợp với mục tiêu bài học, trình độ nhận thức và đặc điểm tâm lí của học sinh lớp 5. Nội dung tình huống nên gần gũi với thực tế, có tính giáo dục và tránh các chi tiết quá nặng nề hoặc gây căng thẳng cho học sinh. Đồng thời, tình huống cần ngắn gọn, rõ ràng và tập trung vào vấn đề trọng tâm.

- Kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học: Khi sử dụng tình huống dạy học, giáo viên cần kết hợp linh hoạt với các phương pháp như thảo luận nhóm, đóng vai, trò chơi học tập hoặc trực quan nhằm tăng hứng thú và phát huy tính tích cực của học sinh.

- Đảm bảo môi trường học tập an toàn và tích cực: Giáo viên cần xây dựng môi trường học tập cởi mở, thân thiện để học sinh tự tin chia sẻ ý kiến. Trong quá trình tổ chức hoạt động, giáo viên nên có thái độ nhẹ nhàng, tôn trọng học sinh và tránh phê bình trực tiếp trước lớp, đặc biệt ở những nội dung liên quan đến giới tính, tuổi dậy thì hoặc phòng tránh bị xâm hại.

2.4.3. Ví dụ minh hoạ sử dụng tình huống

2.4.3.1. Ví dụ minh họa sử dụng tình huống trong bài 22 "Sự hình thành cơ thể người (Tiết 2)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù

- Nói và chỉ được trên sơ đồ quá trình hình thành cơ thể người
- Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,…) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người.

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tích cực, chủ động đưa ra ý kiến, thảo luận, phối hợp với các bạn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động, tích cực phát biểu bài, trả lời câu hỏi, làm bài tập, phiếu học tập.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, tự giác tìm hiểu bài và làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.
- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, nhận xét sản phẩm của bạn.
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV.
- Tranh ảnh phóng to hình 3 trong SGK.

2. Học sinh: SGK, vở ghi

III. Các hoạt động dạy học

1. Khởi động

- Mục tiêu:

+ Tạo không khí vui vẻ, hứng thú vào đầu giờ học và tâm thế vui tươi, phấn khởi để học sinh bước vào tiết học.

+ GV tạo ra tình huống có vấn đề để dẫn dắt HS vào bài mới.

- Phương pháp/ kĩ thuật dạy học: Thảo luận nhóm
- Thời gian: 3-5 phút
- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV tổ chức cho cả lớp hát và vận động theo bài hát " Cả nhà thương nhau" - GV mời một số HS chia sẻ những việc đã làm ở gia đình để thể hiện sự quan tâm, lòng biết ơn với ông bà, cha mẹ,…	- HS vận động theo bài hát - HS trả lời: Dự kiến câu trả lời của học sinh + Chào hỏi lễ phép, biết thưa gửi với ông bà, cha mẹ.

- GV nhận xét, tuyên dương câu trả lời của HS - GV giới thiệu bài học	+ Giúp bố mẹ quét nhà, lau bàn ghế, gấp quần áo, tưới cây. + Tự giác học bài, chuẩn bị đồ dùng học tập để bố mẹ yên tâm. + Ngoan ngoãn, nghe lời và không làm bố mẹ buồn. + Nhường nhịn em nhỏ, hòa thuận với các thành viên trong gia đình. - HS lắng nghe

2. Khám phá

- Mục tiêu: Nói và chỉ được trên sơ đồ quá trình hình thành cơ thể người
- Phương pháp/ Kĩ thuật dạy học: Thảo luận nhóm, kĩ thuật mảnh ghép
- Thời gian: 10 phút
- Cách tiến hành

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV đưa ra tình huống: Một bạn nhỏ tò mò hỏi mẹ: - Mẹ ơi, em bé trong bụng mẹ được tạo ra như thế nào ạ? Có phải tự nhiên mà có không? Mẹ mỉm cười âu yếm, vuốt tóc bạn nhỏ và nhẹ nhàng hỏi lại: - Con hãy thử đoán xem nào, theo con thì chỉ cần một mình mẹ thôi là có thể tạo ra một em bé đáng yêu như con không? Hay là… phải có cả bố và mẹ thì mới được nhỉ? Bạn nhỏ băn khoăn, chưa biết giải thích thế nào.	- HS lắng nghe
- GV đặt câu hỏi: Theo em, ý kiến của bạn nào đúng? Vì sao?	- HS trả lời câu hỏi: + Theo em, chỉ cần mẹ là có thể tạo ra được em bé. Vì em bé được mẹ sinh ra + Theo em, phải có cả bố và mẹ thì mới có thể tạo ra em bé, vì gia đình sẽ có cả bố và mẹ
- GV nhận xét, dẫn dắt: Muốn biết cơ thể người được hình thành từ đâu và trải qua	– Cá nhân HS đọc thông tin, trả lời câu hỏi và trao đổi cặp đôi.

những giai đoạn chính nào? Yêu cầu cả lớp làm việc cặp đôi, đọc khung thông tin và tìm hiểu.	
- GV yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận	– Một số HS trả lời trước lớp, các HS lắng nghe, bổ sung.
– GV dẫn dắt**:** Cơ thể người hình thành từ sự kết hợp giữa trứng của mẹ và tinh trùng của bố qua thụ tinh tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển qua các giai đoạn phôi, thai cho đến khi em bé được sinh ra. Để tìm hiểu quá trình đó các em thực hiện nhiệm vụ tiếp theo.	- HS lắng nghe
– GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, sau đó chia sẻ trong nhóm 4, nhiệm vụ: quan sát hình 3 và thực hiện theo yêu cầu SGK.	– Nhóm trưởng tổ chức cho các bạn làm việc: + 2 bạn tạo thành cặp, quan sát hình 3, đọc thông tin, chỉ trên hình và nói về quá trình hình thành cơ thể người. + Mời các cặp chia sẻ trong nhóm, 1 bạn chỉ hình, 1 bạn nói:
– GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp bằng trò chơi *Truy tìm mảnh ghép*. Luật chơi: + Mỗi nhóm sẽ được phát 6 mảnh ghép (có 2 mặt: số và hình) về sơ đồ "Quá trình hình thành cơ thể người" (cho mỗi HS trong nhóm giữ 1 mảnh ghép). + Quản trò bắt thăm một con số (Ví dụ số 2, HS nào giữ số 2 sẽ ghép hình vào sơ đồ trên bảng cho đúng vị trí). +Đội/nhóm nào xếp nhanh và đúng nhất cử người bắt thăm con số ở vòng tiếp theo.	– HS trong nhóm phân chia các mảnh ghép; HS có thể nhận diện vị trí mảnh ghép của mình trên hình 3 SGK. – HS thực hiện chơi theo tổ chức của quản trò. – Cả lớp quan sát sơ đồ các nhóm đã hoàn thành, đánh giá đội hoàn thành sơ đồ nhanh và đúng nhất, chúc mừng đội thắng cuộc.
– GV tổng kết: GV nhấn mạnh về vai trò của trứng, tinh trùng trong thụ tinh, nơi phát triển của phôi và thai trong bụng mẹ,...	– HS lắng nghe.
– GV có thể cho HS xem video về sự phát triển thai nhi trong bụng mẹ.	- HS lắng nghe

– GV yêu cầu HS nhận xét về quá trình phát triển thai nhi từ 1 tháng đến 9 tháng hoặc qua thông tin "Em có biết?" yêu cầu HS chia sẻ về điều em thấy thú vị nhất. - GV quay lại tình huống ban đầu: Bây giờ các em hãy trả lời lại câu hỏi của bạn nhỏ nhé: + Em bé có phải tự nhiên mà có không? + Vậy muốn có em bé thì cần những ai? - GV nhận xét, kết luận : Mỗi chúng ta đều được sinh ra từ sự kết hợp của bố và mẹ và được mẹ nuôi dưỡng trong bụng suốt 9 tháng. Vì vậy chúng ta cần biết yêu thương và trân trọng cha mẹ.	– Một số HS chia sẻ nhận xét về sự phát triển thai nhi trong bụng mẹ và điều em cảm thấy thú vị nhất về quá trình phát triển của thai nhi. - HS trả lời: Em bé không phải tự nhiên mà có, mà được sinh ra từ sự kết hợp giữa trứng của mẹ và tinh trùng của bố qua thụ tinh tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển qua các giai đoạn phôi, thai cho đến khi em bé được sinh ra. - HS lắng nghe

3. Luyện tập-củng cố

- Mục tiêu: Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,...) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người.
- Phương pháp/ Kĩ thuật dạy học: Thảo luận nhóm
- Thời gian: 10 phút
- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ theo điền phiếu học tập cá nhân trước khi hoàn thành kết quả nhóm. – Tổ chức cho HS trình bày kết quả Phiếu học tập.	– HS thực hiện nhiệm vụ SGK và điền kết quả vào Phiếu học tập. – Dựa trên Phiếu đã điền, HS trình bày sự hình thành cơ thể người trong nhóm. Nhóm thống nhất hoàn thành sơ đồ trên bảng nhóm. **Sơ đồ:** Tinh trùng+ Trứng →Thụ tinh → Hợp tử→ Phôi→ Thai nhi→ Em bé – Các nhóm dán kết quả trước lớp, đại diện một số HS trình bày về sự hình thành cơ thể người. HS khác

	nhận xét, bổ sung. HS trình bày được: Cơ thể người được hình thành từ sự kết hợp giữa (1) trứng của mẹ và (2) tinh trùng của bố qua thụ tinh tạo thành (3) hợp tử. Hợp tử phát triển hình thành (4) phôi. Trong tử cung của mẹ, phôi tiếp tục phát triển thành (5) thai nhi. Khoảng 9 tháng sau thụ tinh, (6) em bé được sinh ra.
– GV tổng kết, chốt kiến thức trên sơ đồ.	- HS lắng nghe

4. Vận dụng - trải nghiệm

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết tình huống thực tế
- Phương pháp/ Kĩ thuật dạy học: Thảo luận nhóm
- Thời gian: 10 phút
- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV tổ chức cho HS tổng kết bài học theo nội dung "Em đã học" hoặc tổ chức trò chơi ô chữ liên quan đến các từ khoá trong bài học như thế hệ, tinh trùng, trứng, thụ tinh, hợp tử, phôi, thai nhi, em bé,… – GV khuyến khích HS thực hiện một số việc theo gợi ý trong SGK hoặc một số việc khác phù hợp với thực tế địa phương.	– HS chia sẻ, nhắc lại nội dung chính của bài học hoặc tham gia trò chơi ô chữ luyện tập, củng cố bài học - HS lắng nghe

IV. Rút kinh nghiệm sau bài dạy

.....
.....
.....

2.4.3.2. Ví dụ minh họa sử dụng tình huống trong bài 23 "Các giai đoạn phát triển chính của con người" (Tiết 1)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù

- Xác định được tên gọi và độ tuổi các giai đoạn phát triển chính của con người
- Xác định được giai đoạn phát triển của những thành viên trong gia đình của mình

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tích cực, chủ động đưa ra ý kiến, thảo luận, phối hợp với các bạn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động, tích cực phát biểu bài, trả lời câu hỏi, làm bài tập, phiếu học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, tự giác tìm hiểu bài và làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.
- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, nhận xét sản phẩm của bạn.
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, máy tính, máy chiếu, kế hoạch bài dạy.
- Phiếu học tập

2. Học sinh: SGK, vở ghi.

III. Các hoạt động dạy học

1. Khởi động

- Mục tiêu:

+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.

+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.

- Phương pháp/ Kĩ thuật dạy học: Vấn đáp
- Thời gian: 5 phút
- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV tổ chức cho HS chia sẻ: Hãy nêu một số đặc điểm về vóc dáng, sức khỏe, độ tuổi của các thành viên trong gia đình em. - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày câu trả lời.	- HS lắng nghe - HS trả lời + Em trai, em gái nhỏ, còn yếu + Bố mẹ, anh chị cao lớn, khỏe mạnh

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Từ khi được sinh ra, con người sẽ trải qua các giai đoạn phát triển chính. Đó là những giai đoạn nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu ở Bài 23 – Các giai đoạn phát triển chính của con người – Tiết 1.* - GV ghi bài	+ Ông bà già, yếu - HS lắng nghe - HS ghi bài

2. Khám phá

- Mục tiêu**:**

+ Xác định được tên gọi và độ tuổi các giai đoạn phát triển chính của con người

+ Nêu được một số đặc điểm nổi bật ở các giai đoạn phát triển trong tuổi ấu thơ.

- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Thảo luận nhóm

- Thời gian: 10 phút

- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<u>Hoạt động 1</u>: Tìm hiểu các giai đoạn phát triển của con người - GV đưa ra tình huống: Bạn Nam năm nay đang học lớp 5 tự hào nói: - Tớ cao gần 1m6 rồi, gần bằng người lớn, vậy tớ là người trưởng thành rồi, không còn là trẻ em nữa đâu nhé. Nghe vậy, bạn Lan liền phản đối: - Không phải đâu Nam ơi! Dù cậu có cao lớn đến mấy thì cậu vẫn là trẻ em thôi. Người lớn đâu có chỉ tính bằng chiều cao! Cả hai bạn cứ thế tranh luận mãi. - GV đặt câu hỏi:Theo em, ý kiến của bạn nào đúng? Vì sao? - GV dẫn dắt: Chiều cao có phải là dấu hiệu duy nhất để xác định một người đã	 - HS lắng nghe - HS trả lời: + Bạn Lan đúng vì bạn Nam vẫn đang là học sinh lớp 5 nên vẫn là trẻ em + Bạn Nam đúng vì bạn Nam cao gần bằng người lớn rồi. - HS lắng nghe

trưởng thành hay không? Con người đã thay đổi như thế nào từ khi còn bé đến lúc lớn lên? Chúng ta cùng tìm hiểu qua học động 1: Các giai đoạn phát triển của con người. - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu của SGK. - GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh ở hình 1 và thực hiện theo yêu cầu. - GV mời một số HS lên bảng chỉ hình và trình bày, mời các HS khác nhận xét. – GV nhận xét và chốt kiến thức + Tuổi ấu thơ (Từ lúc sinh đến 9 tuổi) + Tuổi vị thành niên (Từ 10 tuổi đến 19 tuổi) + Tuổi trưởng thành (Từ 20 đến 60 tuổi) + Tuổi già (Trên 60 tuổi) – GV hỏi thêm: Các em đang trong giai đoạn phát triển nào? Vì sao em biết - GV quay lại tình huống ban đầu: Bây giờ các em hãy quay lại câu chuyện của bạn Nam và Lan. Theo em, bạn nào đúng? Vì sao?" - GV nhận xét - GV nhấn mạnh: + Không thể chỉ dựa vào chiều cao để xác định một người đã trưởng thành hay chưa. Sự trưởng thành phụ thuộc vào độ tuổi và sự phát triển toàn diện của cơ thể, không chỉ là chiều cao. **<u>Hoạt động 2</u>: Tìm hiểu giai đoạn tuổi thơ ấu (từ lúc mới sinh đến 9 tuổi)** - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: *Quan sát hình 2, đọc thông tin và cho biết:*	- HS đọc – Cá nhân HS quan sát hình, dựa vào nội dung thông tin đã đọc nêu được 4 giai đoạn phát triển của con người. – 1 HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe – HS trả lời được: tuổi vị thành niên vì chúng em đang 10 tuổi (11 tuổi) - HS trả lời: Bạn Lan nói đúng. Vì dù bạn Nam cao gần bằng người lớn nhưng bạn ấy vẫnđang ở tuổi vị thành niên, chưa phải người trưởng thành. - HS lắng nghe - HS thảo luận

+ Tuổi ấu thơ có thể chia thành những giai đoạn nào? *+ Nhận xét sự thay đổi của trẻ ở tuổi ấu thơ.* - GV mời đại diện 1 nhóm trình bày. Các nhóm khác chú ý lắng nghe và bổ sung. - GV xác nhận ý kiến đúng.	- HS trình bày: *+ Dưới 1 tuổi: Trong khoảng 6 tháng đầu, nguồn dinh dưỡng chính của trẻ là sữa mẹ. Trẻ tăng nhanh về chiều cao, cân nặng. Gần 1 tuổi trẻ có thể đứng vững và bắt đầu tập đi.* *+ Từ 1 đến dưới 3 tuổi: Trẻ mọc đủ răng sữa, có thể ăn thức ăn cứng dần và đa dạng hơn, bắt đầu biết nói, đi vững và chạy nhảy.* *+ Từ 3 đến 5 tuổi: Ngôn ngữ của trẻ phát triển; tham gia được các hoạt động như vẽ, nặn, dán,... Chiều cao, cân nặng tăng chậm hơn.* *+ Từ 6 đến 9 tuổi: Răng sữa dần được thay thế bằng răng vĩnh viễn. Trẻ có thể tự làm những việc chăm sóc bản thân. Hoạt động học tập giữ vai trò chủ đạo.*

3. Luyện tập - củng cố

- Mục tiêu**:** Xác định được giai đoạn phát triển của những thành viên trong gia đình của mình
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Thảo luận nhóm
- Thời gian: 10 phút
- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV yêu cầu: Ở tiết học trước các em đã được giao nhiệm vụ về nhà hỏi tuổi của người thân; các em hãy chia sẻ với bạn cùng bàn về các thành viên trong gia đình mình đang ở giai đoạn nào. – GV cho các nhóm chia sẻ thông qua trò chơi Bóng đỏ phiêu lưu kí. Luật chơi: GV sẽ bật nhạc bài hát "Tạm biệt búp bê	– HS chia sẻ cặp đôi, nêu được đúng thành viên của gia đình mình và độ tuổi của thành viên. – Một bạn làm quản trò điều khiển các bạn chơi, sau mỗi lượt chuyền bóng, các cặp đôi chia sẻ về giai

thân yêu" và HS chuyền bóng quanh lớp. Nhạc dừng ở nhóm nào thì nhóm đó sẽ chia sẻ.	đoạn phát triển của những thành viên trong gia đình của mình.
– GV mời HS nhận xét, phỏng vấn thêm.	– HS nhận xét, hỏi thêm một số câu để xác nhận tính chính xác như: Chị cậu bao nhiêu tuổi? Vì sao cậu nói Chú cậu thuộc lứa tuổi trưởng thành?...)
- GV nhận xét, đặt thêm câu hỏi: *Trong bài hát "Tạm biệt búp bê thân yêu", bạn nhỏ sắp phải làm gì? Đó cũng chính là mấy giai đoạn của tuổi ấu thơ?*	- HS trả lời câu hỏi: *Bạn nhỏ chia tay trường mầm non và chuẩn bị vào lớp 1. Đó cũng chính là 2 giai đoạn của tuổi ấu thơ.*
– GV nhận xét và tuyên dương HS đã biết vận dụng kiến thức đã học để xác định giai đoạn phát triển của các thành viên trong gia đình.	- HS lắng nghe

4. Vận dụng - trải nghiệm

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề trong thực tiễn
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Làm việc cá nhân
- Thời gian: 10 phút
- Cách tiến hành:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân:
Ghép ô chữ về các giai đoạn phát triển trong tuổi ấu thơ với mô tả đặc điểm phù hợp dưới đây.
<table>
<tr><td>1. Dưới 1 tuổi</td><td>a. Có đủ răng sữa</td></tr>
<tr><td>2. Từ 1 tuổi đến dưới 3 tuổi</td><td>b. Răng sữa bắt đầu thay bằng răng vĩnh viễn</td></tr>
<tr><td>3. Từ 3 tuổi đến 5 tuổi</td><td>c. Nói rõ, tham gia được các hoạt động như xé, dán, vẽ,…</td></tr>
<tr><td>4. Từ 6 tuổi đến 9 tuổi</td><td>d. Thức ăn chủ yếu là sữa mẹ và các thức ăn mềm.</td></tr>
</table>
</td><td>- HS thực hiện

- HS trình bày:
1-d; 2-a; 3-c; 4-b</td></tr>
</table>

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày đáp án. Các HS còn lại lắng nghe và nhận xét. - GV nhận xét, chốt lại đáp án đúng. - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. - GV dặn dò HS về nhà thu thập thông tin trong thực tế, sách báo về vai trò của con người ở tuổi vị thành niên.	- HS lắng nghe

IV. Rút kinh nghiệm sau bài dạy

.....

.....

.....

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong chương 2, đề tài đã đề xuất các nguyên tắc và quy trình xây dựng tình huống dạy học trong chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học lớp 5. Dựa trên những nguyên tắc và quy trình đó, đề tài đã xây dựng được 6 tình huống dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học và đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học. Các tình huống được thiết kế theo hướng gắn với thực tiễn, gần gũi với đời sống học sinh, qua đó góp phần tạo hứnthú học tập và khuyến khích học sinh tham gia giải quyết vấn đề.

Bên cạnh việc xây dựng hệ thống tình huống, đề tài còn đề xuất cách thức sử dụng tình huống trong các hoạt động dạy học như khởi động, luyện tập và vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và khả năng vận dụng kiến thức của học sinh trong quá trình học tập. Đồng thời, chương 2 cũng đưa ra một số lưu ý trong quá trình sử dụng tình huống dạy học để giúp giáo viên tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với đặc điểm tâm lí và trình độ nhận thức của học sinh tiểu học.

Những kết quả đạt được trong chương 2 cho thấy việc xây dựng và sử dụng tình huống dạy học trong môn Khoa học lớp 5 có tính khả thi và có ý nghĩa trong việc nâng cao hiệu quả dạy học, góp phần phát triển năng lực và hứng thú học tập cho học sinh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề tài đã nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc xây dựng tình huống dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5. Kết quả nghiên cứu cho thấy tình huống dạy học có vai trò quan trọng trong việc tạo hứng thú học tập, phát huy tính tích cực và nâng cao khả năng vận dụng kiến thức của học sinh trong quá trình học tập.

Từ kết quả nghiên cứu, đề tài đã đề xuất được các nguyên tắc và quy trình xây dựng tình huống dạy học phù hợp với chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5. Trên cơ sở đó, đề tài xây dựng được 6 tình huống dạy học gắn với nội dung bài học và đặc điểm của học sinh tiểu học. Đồng thời, đề tài cũng đề xuất cách sử dụng tình huống trong một số hoạt động dạy học nhằm góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học môn Khoa học lớp 5.

Ngoài ra, đề tài còn đưa ra một số lưu ý khi sử dụng tình huống dạy học để giúp giáo viên vận dụng linh hoạt và phù hợp với đặc điểm tâm lí của học sinh tiểu học. Những kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần khẳng định tính khả thi và ý nghĩa của việc sử dụng tình huống dạy học trong môn Khoa học 5.

2. Kiến nghị

Do điều kiện thời gian và phạm vi nghiên cứu còn hạn chế, đề tài mới chỉ tập trung xây dựng hệ thống tình huống dạy học cho chủ đề "Con người và sức khỏe" môn Khoa học 5. Trong thời gian tới, đề tài có thể tiếp tục nghiên cứu và phát triển theo hướng xây dựng thêm các tình huống cho những chủ đề khác nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn Khoa học ở tiểu học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/Tiếng Việt

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học cấp Tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Sách giáo khoa Khoa học 5* (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Sách giáo viên Khoa học 5*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
6. Trịnh Văn Biều (2010), *Dạy học theo tình huống trong giáo dục hiện đại*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Hữu Châu (2005), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Cường (2014), *Lý luận dạy học hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
9. Đinh Tuấn Dũng (2002), *Tổ chức tình huống có vấn đề trong dạy học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Phan Đức Duy (1999), *Sử dụng bài tập tình huống để rèn luyện cho sinh viên kĩ năng tổ chức bài lên lớp Sinh học*, Luận văn Tiến sĩ Giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Duệ, Trần Văn Kiên, Dương Tiến Sỹ (2000), *Dạy học giải quyết vấn đề trong môn Sinh học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Phan Tất Đắc (1977), *Dạy học nêu vấn đề*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
13. Trần Bá Hoành (2006), *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
14. Dương Giáng Thiên Hương (2007), *Dạy học theo hướng giải quyết vấn đề ở tiểu học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
15. Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Khoa học lớp 5*, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

16. Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo khoa Khoa học lớp 5*, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
17. Trần Bá Hoành (2006), *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
18. Nguyễn Bá Kim (2015), *Phương pháp dạy học môn Toán*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
19. Trần Kiểm, Nguyễn Thị Hương (2015), *Tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
20. Nguyễn Hữu Lam (2003), *Phương pháp nghiên cứu tình huống trong giảng dạy và quản trị*, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
22. Hoàng Phê (2011), *Từ điển Tiếng Việt* , Nhà xuất bản Đà Nẵng, Hà Nội.
23. Vũ Văn Tảo, Trần Văn Hà (1996), *Dạy học giải quyết vấn đề – một hướng đổi mới trong công tác giáo dục, đào tạo và huấn luyện*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
24. Ngô Nhã Trang (2005), *Thiết kế và sử dụng tình huống trong dạy học Hóa học ở trường trung học phổ thông*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Thái Duy Tuyên (2008), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2/Tiếng Anh

26. Barrows, H. S. (1986). *A taxonomy of problem-based learning methods*. Medical Education, 20(6), 481–486.
27. Barrows, H. S., & Tamblyn, R. M. (1980). *Problem-Based Learning: An Approach to Medical Education*. New York: Springer Publishing Company.
28. Bruner, J. S. (1961). *The act of discovery*. *Harvard Educational Review, 31*(1), 21–32.
29. Dewey, J. (1938). *Experience and Education*. New York: Macmillan.
30. Duch, B. J., Groh, S. E., & Allen, D. E. (2001). *The Power of Problem-Based Learning*. Sterling, VA: Stylus Publishing.

31. Kolb, D. A. (1984). *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
32. Langdell, C. C. (1871). *A Selection of Cases on the Law of Contracts*. Boston: Little, Brown and Company.
33. Piaget, J. (1972). *The Psychology of the Child*. New York: Basic Books.
34. Savery, J. R. (2006). *Overview of problem-based learning: Definitions and distinctions*. *Interdisciplinary Journal of Problem-Based Learning, 1*(1), 9–20.
35. Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
36. Western University. (n.d.). *History of the Ivey Case Method*. Retrieved from Ivey Business School.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 - PHIẾU ĐIỀU TRA

(Dành cho giáo viên)

Kính thưa Quý Thầy (Cô)!

Để phục vụ cho đề tài nghiên cứu "**Xây dựng tình huống dạy học chủ đề Con người và sức khoẻ môn Khoa học 5"**, nhóm thực hiện đề tài rất mong Thầy (Cô) giúp đỡ, đóng góp ý kiến thông qua phiếu khảo sát. Mọi ý kiến của quý Thầy (Cô) là nguồn tư liệu quý báu, góp phần cho sự thành công của đề tài.

I. Thông tin cá nhân

1. Họ và tên:……

2. Giới tính: *Nam* ☐ *Nữ* ☐

3. Nơi công tác:……

4. Số năm công tác:……

II. Nội dung tham khảo ý kiến

1. Theo Thầy (Cô), "tình huống dạy học" là gì?

A. Một câu chuyện hoặc ví dụ minh họa cho nội dung bài học.

B. Một tình huống gắn với thực tiễn, có vấn đề cần giải quyết và thúc đẩy học sinh suy nghĩ.

C. Một hoạt động vui nhộn để tạo hứng thú cho học sinh.

D. Một câu hỏi kiểm tra kiến thức cuối bài.

2. Theo Thầy (Cô), mức độ phù hợp của việc sử dụng tình huống dạy học trong các hoạt động sau là như thế nào?

Hoạt động dạy học	Không phù hợp	Ít phù hợp	Phù hợp	Rất phù hợp
Khởi động	☐	☐	☐	☐
Hình thành kiến thức	☐	☐	☐	☐
Luyện tập	☐	☐	☐	☐
Vận dụng – mở rộng	☐	☐	☐	☐

3. Theo Thầy (Cô), những dạng tình huống nào có thể áp dụng khi tổ chức dạy học môn Khoa học 5?

☐ Tình huống thực tế, gắn liền với đời sống.

☐ Tình huống mở, nhiều cách giải quyết.

☐ Tình huống thông qua đóng vai.

☐ Tình huống minh họa bằng hình ảnh hoặc video.

☐ Tình huống từ sách giáo khoa.

☐ Tình huống thí nghiệm hoặc hoạt động thực hành.

☐ Dạng khác: ……

4. Thầy (Cô) thường sử dụng phương pháp dạy học nào khi dạy chủ đề "Con người và sức khoẻ" môn Khoa học 5?

☐ Phương pháp quan sát.

☐ Phương pháp thuyết trình.

☐ Phương pháp hỏi - đáp

☐ Phương pháp thảo luận

☐ Phương pháp đóng vai

☐ Dạy học theo tình huống

☐ Dạy học dự án

5. Mức độ sử dụng tình huống dạy học trong quá trình dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ", môn Khoa học 5 của Thầy (Cô) như thế nào?

☐ Chưa bao giờ sử dụng.

☐ Ít khi sử dụng.

☐ Thỉnh thoảng sử dụng.

☐ Thường xuyên sử dụng.

☐ Rất thường xuyên sử dụng.

6. Theo Thầy (Cô), việc sử dụng tình huống dạy học trong quá trình dạy học chủ đề "Con người và sức khoẻ", môn Khoa học 5 sẽ đem lại tác dụng gì?

☐ Giúp học sinh nhớ bài lâu hơn.

☐ Tạo hứng thú cho học sinh.

☐ Tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

☐ Rèn cho học sinh kĩ năng giải quyết vấn đề.

☐ Rèn kĩ năng giao tiếp, khả năng hợp tác, học hỏi lẫn nhau.

☐ Giúp học sinh nâng cao năng lực tự xử lý tình huống trong cuộc sống.

7. Thầy (Cô) thường thiết kế tình huống dạy học theo cách nào?

☐ Tự xây dựng tình huống phù hợp với bài học.

☐ Kết hợp tự xây dựng và tham khảo tài liệu.

☐ Chủ yếu sử dụng tình huống có sẵn.

8. Khi thiết kế và sử dụng tình huống vào dạy học môn Khoa học 5, Thầy (Cô) thường gặp phải những khó khăn gì?

☐ Không có nhiều thời gian để đầu tư và thiết kế tình huống.

☐ Không có nhiều nguồn tài liệu để tham khảo.

☐ Thời lượng tiết học không đủ để triển khai tình huống.

☐ Khó chọn lọc tình huống để phù hợp với nội dung của bài học.

☐ Khó tìm được tình huống gắn với thực tiễn, gần gũi với học sinh.

☐ Khó dự kiến trước các phương án trả lời của học sinh.

☐ Điều kiện về cơ sở vật chất, học liệu còn hạn chế.

☐ Khó kiểm soát lớp học khi tổ chức hoạt động.

☐ Học sinh không hứng thú với các tình huống thực tiễn.

☐ Khó đánh giá hiệu quả học tập của học sinh thông qua tình huống.

☐ Khác (ghi rõ): ……

Xin chân thành cảm ơn quý Thầy (Cô)!

PHỤ LỤC 2 - PHIẾU ĐIỀU TRA

(Dành cho học sinh)

Các em học sinh thân mến!

Để phục vụ cho đề tài nghiên cứu "**Xây dựng tình huống dạy học chủ đề Con người và sức khoẻ môn Khoa học 5"**, các em đọc kỹ nội dung và cho biết ý kiến của mình về các vấn đề trong phiếu điều tra. Sự đóng góp ý kiến nghiêm túc của các em là sự đóng góp rất quan trọng và có ý nghĩa thực tế.

I. Thông tin cá nhân

1. Họ và tên:……

2. Giới tính: *Nam* ☐ *Nữ* ☐

3. Học sinh lớp:……

4. Trường:……

II. Nội dung

1. Em có thích học môn Khoa học 5 không?

☐ Không.

☐ Rất ít.

☐ Bình thường.

☐ Rất thích.

2. Em có thích giải quyết các tình huống trong giờ học Khoa học 5 không?

☐ Không thích.

☐ Có nhưng ít thôi.

☐ Bình thường.

☐ Có thích, càng nhiều tình huống càng tốt.

3. Khi học một bài mới, em thích:

☐ Nghe thầy/cô giảng bài

☐ Xem video, hình ảnh minh hoạ.

☐ Làm các thí nghiệm.

☐ Thảo luận với bạn để tìm ra vấn đề.

☐ Tự mình giải quyết vấn đề, tìm ra kiến thức mới.

☐ Tự tìm hiểu trước rồi chia sẻ với thầy/cô và bạn bè trong lớp.

4. Theo em, việc học bằng tình huống (câu chuyện, vấn đề thực tiễn,…) sẽ đem lại ích lợi gì?

☐ Giúp học sinh hiểu bài và nhớ bài ngay trên lớp.

☐ Giúp học sinh biết giải thích cho người khác hiểu vấn đề.

☐ Giúp học sinh biết cách áp dụng kiến thức vào cuộc sống.

☐ Giúp học sinh tự tin hơn trong học tập.

5. Khi tham gia xử lý các tình huống trong giờ học, em thường gặp khó khăn nào sau đây?

☐ Các tình huống của giáo viên đưa ra chưa thật sự thú vị.

☐ Các tình huống giáo viên đưa ra hơi khó hoặc không quen thuộc với em.

☐ Cách giải quyết tình huống của thầy/cô còn khó hiểu với em.

☐ Ý kiến của em khác với bạn nên khó trao đổi.

☐ Không có nhiều thời gian suy nghĩ kĩ tình huống.

☐ Lớp học ồn nên em khó tập trung.

☐ Em chưa quen với cách học bằng tình huống.

☐ Em ngại trình bày ý kiến của mình trước lớp.

Cảm ơn các em đã hoàn thành phiếu khảo sát!

PHỤ LỤC 3
KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA CÓ SỬ DỤNG TÌNH HUỐNG DẠY HỌC

❖ **Bài 24: Nam và nữ (Tiết 1)**

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù

- Xác định được một số đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của con người
- Kể được thêm đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của con người.

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tích cực, chủ động đưa ra ý kiến, thảo luận, phối hợp với các bạn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động, tích cực phát biểu bài, trả lời câu hỏi, làm bài tập, phiếu học tập.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, tự giác tìm hiểu bài và làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.
- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, nhận xét sản phẩm của bạn.
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV.

2. Học sinh: SGK, vở ghi

III. Các hoạt động dạy học

1. Khởi động

- Mục tiêu:

+ Tạo không khí vui vẻ, hứng thú vào đầu giờ học và tâm thế vui tươi, phấn khởi để học sinh bước vào tiết học.

+ GV tạo ra tình huống có vấn đề để dẫn dắt HS vào bài mới.

- Phương pháp/ kĩ thuật dạy học: Vấn đáp

- Thời gian: 5 phút

- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV phổ biến trò chơi Kết bạn: 6 bạn giữ 6 thẻ có đặc điểm khác nhau, các bạn còn lại sẽ chọn đặc điểm phù hợp với mình và di chuyển tạo thành 6 nhóm (số lượng đặc điểm và nhóm có thể thay đổi; kết hợp nhạc).	– Cả lớp lắng nghe luật chơi. – 6 HS xung phong nhận 6 thẻ khác nhau phù hợp đặc điểm của mình sẽ đứng ở 6 vị trí.
– GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi.	– HS cả lớp quan sát bạn cầm thẻ, nghe nhạc trong thời gian quy định, di chuyển vào nhóm có đặc điểm phù hợp.
– GV phỏng vấn nhanh 2 nhóm đại diện cho đặc điểm sinh học (màu tóc, màu mắt,...), đặc điểm xã hội (kiểu tóc, quần áo,...). Ví dụ: + Nhóm này (1) là nhóm tóc dài đúng không nào? Các bạn nhóm mắt đen bên cạnh nhóm mình nếu tóc dài ra, liệu có thể gia nhập nhóm mình được không? Vì sao? + Nhóm mình (2) là nhóm các bạn có mắt đen? Nếu các bạn nhóm tóc dài nhưng mắt lại màu nâu, muốn nhập vào nhóm mình thì có phù hợp không? Vì sao?	– HS liên hệ, suy luận từ thực tế để trả lời câu hỏi phỏng vấn của GV. Một số câu trả lời có thể là: + Nhóm 1: Nếu các bạn tóc dài ra có thể nhập được nhóm này. Vì có tóc dài. + Nhóm 2: Các bạn mắt không đen không vào nhóm 2 được vì mắt nâu khó thay đổi (không biến) thành mắt đen được
– GV dẫn dắt vào bài: Chúng ta có những đặc điểm giống nhau và khác nhau, có đặc điểm có thể thay đổi được và có đặc điểm không thể thay đổi. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu ở bài học hôm nay Bài 24: Nam và nữ (Tiết 1) - GV ghi bài	- HS lắng nghe - HS ghi bài

2. Hình thành kiến thức

- Mục tiêu:

+ Xác định được một số đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của con người

+ Kể được thêm đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của con người.

- Phương pháp/ kĩ thuật dạy học: thảo luận nhóm, kĩ thuật phòng tranh
- Thời gian: 10 phút
- Cách tiến hành

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV giới thiệu tình huống: **Những mảnh ghép khác biệt** Cả nhà đang cùng nhau chuẩn bị đồ đạc cho chuyến dã ngoại cuối tuần của trường. Hải nhìn sang chiếc vali của cô em gái, thấy toàn là váy áo điệu đà, trong khi đồ của mình lại là những bộ quần áo thể thao năng động. Cậu bỗng nảy ra một thắc mắc rồi chạy đến bên mẹ đang ngồi ở phòng khách. - Mẹ ơi, con thấy trong lớp các bạn nữ thường thích mặc váy và để tóc dài, còn tụi con trai lại thích mặc quần đùi, áo phông và cắt tóc ngắn. Tại sao từ cách ăn mặc đến sở thích của con trai và con gái lại có sự khác biệt rõ rệt như vậy hả mẹ? Mẹ Hải mỉm cười, gấp lại chiếc áo sơ mi rồi ra hiệu cho Hải ngồi xuống cạnh bên: - Câu hỏi của con rất thú vị đấy! Thực ra, sự khác biệt trong cách ăn mặc hay sở thích không chỉ là thói quen, mà nó còn xuất phát từ việc cơ thể con trai và con gái có những đặc điểm cấu tạo riêng biệt từ khi mới sinh ra. Mẹ nhìn vào mắt Hải, giải thích một cách cởi mở:	- HS lăng nghe

- Những đặc điểm khác nhau về cơ cấu cơ thể bên trong chính là lý do vì sao chúng ta có sự lựa chọn trang phục khác nhau để đảm bảo sự thoải mái, thuận tiện và bảo vệ cơ thể tốt nhất. Chính sự khác biệt đó tạo nên sự đa dạng và vẻ đẹp riêng của mỗi giới. Thấy Hải vẫn còn đang suy ngẫm, mẹ khích lệ: - Bây giờ, bằng những kiến thức khoa học con đã học ở trường, con thử liệt kê cho mẹ xem giữa con trai và con gái có những đặc điểm cơ thể nào giống nhau và khác nhau mà con biết không? Nếu hiểu rõ điều này, con sẽ thấy việc các bạn nữ mặc váy hay các bạn nam mặc quần đều có lý do khoa học của nó cả đấy!	
- GV đặt câu hỏi: + Theo các em, vì sao lại có sự khác biệt đó? + Vậy sự khác nhau đó là do đâu? Là do cơ thể hay do thói quen?” - GV nhận xét và đặt câu hỏi: + Có bạn cho rằng do cơ thể + Có bạn lại nghĩ do sở thích. Vậy ý kiến nào đúng? Chúng ta sẽ tìm hiểu thông qua hoạt động 1: Đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ.	- HS trả lời + Sự khác biệt giữa nam và nữ là do cơ thể + Sự khác biệt giữa nam và nữ là do sở thích khác nhau - HS lắng nghe
– GV tổ chức làm việc nhóm. + Yêu cầu HS : Quan sát hình 1 và thực hiện theo nhiệm vụ trong	– HS làm việc theo nhóm: + Cá nhân HS quan sát, đọc thông tin các ô chữ, nhận ra ô màu gợi ý chỉ về đặc điểm sinh học của người, các ô chữ còn

<table>
<tr>
<td>SGK. Mỗi nhóm nhận 01 bộ thẻ chữ để trình bày kết quả của nhóm.
+ Bao quát, có thể hướng dẫn HS trước tiên xác định thông tin trong 2 ô màu xanh và màu vàng chỉ đặc điểm sinh học hay đặc điểm xã hội, từ đó xác định thông tin trong các ô chữ còn lại thuộc về đặc điểm nào.
– Tổ chức trình bày kết quả trước lớp.
+ Tổ chức theo kĩ thuật Phòng tranh, yêu cầu các nhóm quan sát và nhận xét kết quả nhóm bạn.
+ Yêu cầu các nhóm sau một vòng quan sát các nhóm khác, tiến hành thảo luận và thống nhất, điều chỉnh kết quả của nhóm.

+ Mời đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý.

– GV khen ngợi, chốt lại phần trình bày của nhóm, giải thích thêm về đặc điểm sinh học (sinh ra</td>
<td>lại một số chỉ đặc điểm sinh học, một số chỉ đặc điểm xã hội. Chia sẻ trong nhóm kết quả làm việc.
+ Nhóm thống nhất ý kiến và dán thẻ chữ vào bảng nhóm theo 2 cột:
<table>
<tr><td>Đặc điểm sinh học của con người</td><td>Đặc điểm xã hội của con người</td></tr>
<tr><td>…………………</td><td>…………………..</td></tr>
</table>
– Mỗi nhóm phân công các thành viên thực hiện nhiệm vụ:
+ 1 HS đứng tại sản phẩm của nhóm mình ghi nhận ý kiến
nhận xét của các nhóm khác.
+ HS còn lại của nhóm di chuyển tới các nhóm khác để
quan sát và nhận xét.
+ Thảo luận và thống nhất kết quả sau khi thu nhận các
ý kiến đóng góp của nhóm bạn.
+ 1 nhóm trình bày, HS bổ sung
<table>
<tr><td>Đặc điểm sinh học của con người</td><td>Đặc điểm xã hội của con người</td></tr>
<tr><td>- Cơ quan sinh dục tạo ra trứng.
- Sinh con và cho con bú.
- Cơ quan sinh dục tạo ra
tinh trùng.
- Có râu.
- Da nâu.
- Có thể mang thai.
- Có kinh nguyệt.
- Giọng nói trầm</td><td>- Nuôi dưỡng và chăm sóc
con.
- Thích mặc áo sơ mi.
- Để tóc ngắn.
- Chú ý vẻ bề ngoài.
- Làm nghề giáo viên</td></tr>
</table>
- HS lắng nghe</td>
</tr>
</table>

đã có) và đặc điểm xã hội (được hình thành trong quá trình lớn lên, học tập, giao tiếp và có thể thay đổi ở mỗi người)	
- GV quay lại tình huống ban đầu: Vì sao con trai và con gái có sự khác biệt trong ăn mặc và sở thích?	- HS trả lời: Nam và nữ có những đặc điểm sinh học khác nhau nên có thể ảnh hưởng đến cách lựa chọn trang phục. Tuy nhiên, cách ăn mặc và sở thích còn phụ thuộc vào mỗi người và xã hội.
- GV nhận xét, nhận mạnh thêm: Chúng ta cần tôn trọng sự khác biệt giữa nam và nữ.	
- GV yêu cầu làm việc nhóm theo yêu cầu *Kể thêm những đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội khác của con người.* Mỗi nhóm viết kết quả lên thẻ trống, dán tiếp vào bảng nhóm mình.	– Mỗi nhóm trong thời gian quy định: +Thảo luận, viết lên mỗi thẻ trống 1 đặc điểm khác với đặc điểm đã có ở HĐ 1. + Dán tiếp thẻ chữ vào 2 cột trong bảng nhóm mình cho phù hợp.
– Mời 1 nhóm chia sẻ, các nhóm bổ sung đặc điểm khác với nhóm bạn đã trình bày.	– Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.
– GV nhận xét, tổng kết nội dung đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của con người theo ý 1 và ý 2 của mục "Em đã học".	– HS lắng nghe

3. Luyện tập - củng cố

- Mục tiêu:

+ Củng cố về phân biệt được đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của nam, của nữ

+ Vận dụng kiến thức đã học để kể được đặc điểm của bản thân và bạn

- Phương pháp/ kĩ thuật dạy học: Thảo luận nhóm

- Thời gian: 10 phút

- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: – GV yêu cầu làm việc nhóm, sử dụng tất cả thẻ đặc điểm ở hoạt động khám	– Nhóm trưởng yêu cầu mỗi thành viên lần lượt chọn thẻ và thực hiện:

phá để thực hiện theo yêu cầu Phiếu bài tập trang 86. – Mời đại diện 1 nhóm chia sẻ kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. – GV nhận xét các ý kiến và điều chỉnh	+ Cá nhân chọn 1 thẻ, đưa ra ý kiến phân loại theo nội dung Phiếu bài tập. Các thành viên thực hiện cho đến khi hết thẻ. + Nhóm thống nhất, hoàn thành Phiếu bài tập. – 1 nhóm trình bày, các nhóm theo dõi kết quả của nhóm mình, nhận xét và điều chỉnh - HS lắng nghe

4. Vận dụng - trải nghiệm

- Mục tiêu*:* Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề trong thực tiễn
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học*:*Làm việc cá nhân
- Thời gian: 10 phút
- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV tổ chức theo các nhóm riêng HS nam và nhóm riêng HS nữ. + Yêu cầu mỗi nhóm nam, mỗi nhóm nữ: chia sẻ trong nhóm những đặc điểm sinh học giống và khác các bạn, những đặc điểm xã hội giống và khác các bạn. + GV bao quát và hỗ trợ tại các nhóm: Gợi ý dựa vào kết quả bảng phân loại ở hoạt động khám phá, nêu được càng nhiều đặc điểm càng tốt.	– HS chia nhóm nam, nữ riêng. – HS nhóm nam liên hệ đặc điểm của bản thân với bạn, kể được một số đặc điểm: + Đặc điểm sinh học giống nhau: cơ quan sinh dục tạo ra tinh trùng; có cơ quan tuần hoàn; giọng nói thường trầm (có thể không phải tất cả đều giọng trầm). + Đặc điểm sinh học khác nhau: một số bạn có má lúm đồng tiền; một số bạn có mắt hai mí, mắt một mí, mũi cao,... +Đặc điểm xã hội giống nhau (tuỳ thực tế): Tất cả đều để tóc ngắn, thích mặc áo sơ mi,... + Đặc điểm xã hội khác nhau (tuỳ thực tế): bạn thích chơi bóng rổ, bạn thích làm GV,... - - HS nhóm nữ liên hệ đặc điểm của

– GV khen ngợi và biểu dương các nhóm có ý thức quan sát và chia sẻ được nhiều đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội – GV tổng kết và dặn dò HS quan sát người thân trong gia đình và xác định: Em có đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội nào giống, đặc điểm nào khác các thành viên trong gia đình.	bản thân với bạn, kể được một số đặc điểm: + Đặc điểm sinh học giống nhau: cơ quan sinh dục tạo ra trứng; có cơ quan tiêu hoá, hô hấp; có kinh nguyệt và có thể mang thai;... + Đặc điểm sinh học khác nhau: 1 số bạn tóc xoăn tự nhiên;... + Đặc điểm xã hội giống nhau (tuỳ thực tế): tất cả đều để tóc đen; thích mặc váy; ... + Đặc điểm xã hội khác nhau (tuỳ thực tế): HS để tóc dài; HS thích làm nghề giáo viên;... - HS lắng nghe

IV. Rút kinh nghiệm sau bài dạy

.....
.....
.....

❖ Bài 25: Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (Tiết 2)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù

− Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.

− Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.

− Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài

2. Năng lực chung

– Tự chủ và tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được tìm hiểu và theo dõi, nhận xét việc thực hiện chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ thể chất và tinh thần tuổi dậy thì.

– Giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, trò chơi, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả nhóm

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, tự giác tìm hiểu bài và làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.
- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, nhận xét sản phẩm của bạn.
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, máy tính, máy chiếu, kế hoạch bài dạy.
- Phiếu học tập

2. Học sinh: SGK, vở ghi

III. Các hoạt động dạy học

1. Khởi động

- Mục tiêu:

+ Tạo không khí vui vẻ, hứng thú vào đầu giờ học và tâm thế vui tươi, phấn khởi để học sinh bước vào tiết học.

+ GV tạo ra tình huống có vấn đề để dẫn dắt HS vào bài mới.

- Phương pháp/ kĩ thuật dạy học: Vấn đáp
- Thời gian: 5 phút
- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV đặt câu hỏi: *Câu 1: Em hãy nêu đặc điểm phát triển cơ thể tuổi dậy thì.* *Câu 2: Chơi các môn thể thao vận động nhiều có tác dụng gì?* - GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học mới: *Các em đã thực hiện nhiều việc*	- HS lắng nghe - HS trả lời: *Câu 1: Đặc điểm phát triển cơ thể tuổi dậy thì: Tăng nhanh về chiều cao.* *Câu 2: Chơi các môn thể thao vận động nhiều giúp: Phát triển hệ xương và cơ thể săn chắc.* - HS lắng nghe

làm để giữ vệ sinh cơ thể, vậy vì sao cần thực hiện những việc làm đó? Có những lưu ý đặc biệt gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu ở ***Bài 25 – Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì – Tiết 2.***	
- GV ghi bài	- HS ghi bài

2. Hình thành kiến thức

- Mục tiêu:

+ Nhận ra sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể từ việc phân tích một số tình huống

+ Nêu được tác hại của việc không giữ vệ sinh cơ thể.

- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Phòng tranh, thảo luận nhóm

- Thời gian: 10 phút

- Cách tiến hành:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td>
2. Sự cần thiết giữ gìn về sinh cơ thể tuổi dậy thì
Hoạt động 1:
- GV tổ chức theo nhóm, yêu cầu HS quan sát tình huống từ hình 9 đến hình 11, chia sẻ nội dung tình huống và thực hiện theo yêu cầu của SGK. Trình bày kết quả vào phiếu bài tập
<table>
<tr><th>Vấn đề</th><th>Việc cần làm</th><th>Ý nghĩa</th></tr>
<tr><td>Hình 9</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Hình 10
Hình 11</td><td></td><td></td></tr>
</table>
– GV tổ chức các nhóm quan sát, nhận xét kết quả của các nhóm theo kĩ thuật Phòng tranh.
– Mời 1 số nhóm trình bày kết quả của mình và kết quả quan sát sản phẩm nhóm bạn: nhận xét và bổ sung; Các nhóm khác bổ sung ý kiến.
</td><td>
– Nhóm trưởng tổ chức cho các bạn:
+ Từng cặp đôi quan sát hình, nội dung bóng nói và chia sẻ ý kiến cùng nhau.
+ Từng cặp chia sẻ trong nhóm, thống nhất ý kiến. Trình bày theo mẫu Phiếu bài tập

– Mỗi nhóm di chuyển đến sản phẩm của nhóm khác, nhận xét và ghi chép lại ý kiến.
– Đại diện từng nhóm báo cáo:
+ Trình bày kết quả của mình, lựa chọn sản phẩm của 1 nhóm khác và nhận xét, bổ sung ý kiến khác với nhóm mình.
+ Các nhóm phản hồi, bổ sung ý kiến. HS có thể nêu một số ý kiến.
<table>
<tr><th>Vấn đề</th><th>Việc cần làm</th><th>Ý nghĩa</th></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Hình 9: Ngứa do không tắm	Tắm thường xuyên bằng nước ấm, nơi kín gió,...	Da (cơ thể) sạch sẽ, da thông thoáng, không bị ngứa,...
Hình 10: Da mặt dính, nổi mụn do vệ sinh da mặt chưa phù hợp	Rửa mặt bằng nước sạch thường xuyên (ít nhất 2 lần/ngày),...	Sạch chất nhờn trên da, tránh bít tắc lỗ chân lông, ít nổi mụn,...
Hình 11: Ngứa, xuất hiện mùi khác lạ do bị viêm cơ quan sinh dục	Tắm,rửa bằng nguồn nước sạch. Giữ vệ sinh cơ quan sinh dục, thay quần lót hằng ngày;...	Cơ quan sinh dục luôn khô thoáng, phòng tránh viêm nhiễm; hạn chế vi khuẩn;..

– Tổ chức cho từng nhóm báo cáo, phản hồi lại các ý kiến bổ sung của nhóm bạn.

– GV khen ngợi các nhóm nêu được "việc cần làm" và "ý nghĩa" của việc làm đó một cách phù hợp. GV có thể bổ sung

Hoạt động 2:

– Từ phân tích lí do xuất hiện "vấn đề" trong mỗi tình huống, GV hướng dẫn HS thực hiện điền thẻ "Nếu ... – thì ..."

– GV đưa ra 1 số thẻ "Nếu ..." cho tình huống còn lại, yêu cầu mỗi HS viết tác hại có thể xảy ra vào thẻ "thì ...". (Tuỳ khả năng của HS, GV có thể đưa sẵn thông tin vào thẻ "Nếu..." hoặc để HS viết "Nếu... – "thì ...).

- HS lắng nghe

– Cả lớp cùng phân tích 1 ví dụ, từ 1 việc "Nếu" chia sẻ nhiều ý kiến "Thì" (tác hại) như: "Nếu không tắm thường xuyên" – "thì ngứa người"– "thì viêm da"– "Thì bị bệnh ghẻ",...

– Mỗi HS hoàn thành 1 – 2 thẻ " thì..."

– 1 tổ đầu tiên chọn thẻ "Nếu ...", các tổ khác gắn thẻ "thì ..." phù hợp; Tổ gắn được nhiều thẻ "thì ..." nhất sẽ được quyền chọn thẻ "Nếu ..." tiếp theo.

– Tổ chức HS chia sẻ trước lớp theo hình thức thi đua giữa các tổ/nhóm. – Từ kết quả , GV cùng HS kết luận về một số tác tại của việc không giữ vệ sinh cơ thể tuổi dậy thì. **3. Thực hiện vệ sinh cơ thể tuổi dậy thì** **Hoạt động 1:** – GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, quan sát hình 12, 13 và thực hiện theo yêu cầu của SGK. – Mời một số cặp đôi lên chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS trong lớp bổ sung ý kiến, đề xuất cách làm khác phù hợp. – GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt sang hoạt động tiếp theo	– Tổng hợp, đánh giá kết quả giữa các tổ - HS lắng nghe – Hai HS quan sát nội dung hình và lần lượt hỏi, trả lời: Dựa vào nội dung khung thông tin đã đọc, xác định những việc bạn chưa làm đúng, đề xuất cách làm đúng; chia sẻ trong nhóm lớn (nếu cần). – Hai HS chia sẻ trước lớp: 1 bạn nêu yêu cầu, 1 bạn trả lời. HS trong lớp bổ sung, một số ý kiến: + Hình 12: Việc làm chưa đúng: sau khi tắm xong, mặc quần áo mà vẫn còn xà phòng trên người. Cách làm đúng: Dội xả kĩ cho sạch xà phòng trên người, lau người khô trước khi mặc quần áo,... + Hình 13: Việc làm chưa đúng: Có ý định mặc quần lót còn ẩm. Cách làm đúng: Không dùng quần áo khi còn ẩm, đặc biệt là đồ lót, cần hong/sấy khô quần áo trước khi mặc, mang quần áo ra ngoài chỗ có ánh sáng phơi để diệt khuẩn và nhanh khô. - HS lắng nghe

3. Luyện tập - củng cố

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Thảo luận nhóm
- Thời gian: 10 phút
- Cách thực hiện

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nêu tình huống	- HS lắng nghe

Tại sao mặt con lại nổi những nốt lạ? Hôm nay, đi học về Lan có vẻ không vui như mọi ngày. Mẹ Lan lo lắng hỏi: - Con gái, vì sao con trông có vẻ buồn thế? Ở lớp có chuyện gì hả con? Lan buồn bã nói với mẹ: - Mẹ ơi, dạo này các bạn cứ chọc con. Con buồn lắm! - Sao các bạn lại chọc con vậy? Nói mẹ nghe nào? - Các bạn cứ bảo mặt con trông "nở hoa" vì có mấy cái nốt đỏ! Con cũng cảm thấy gần đây trên trán và hai bên má cứ nổi lên những nốt mụn rất khó chịu mẹ ạ! Con chẳng dám ngẩng mặt lên nhìn ai, cũng không muốn đi chơi với các bạn nữa vì thấy mình kém xinh quá! Mẹ cười bảo Lan: - Ôi con gái mẹ đã lớn rồi! Con có biết khi mặt con bắt đầu nổi mụn trứng cá là con đã bước vào tuổi dậy thì rồi không? Đó là điều hoàn toàn bình thường, nó báo hiệu con bắt đầu bước vào giai đoạn sắp trở thành một thiếu nữ rồi đấy! - Nhưng mụn trứng cá làm con không tự tin chút nào mẹ ạ! Con thấy ngại lắm! Mẹ có cách nào giúp con làm hết mấy nốt mụn đó không ạ? - GV đặt câu hỏi: Theo em những nốt đỏ trên mặt Lan là gì? Vì sao	- HS trả lời: Theo em, đó là mụn trứng cá.Vì mụn thường xuất hiện khi các bạn đến tuổi dậy thì

- GV nhận xét, đặt tiếp câu hỏi: Để chăm sóc da và hạn chế mụn ở tuổi dậy thì, Lan nên làm gì? - GV nhận xét	- HS trả lời: + Lan nên rửa mặt sạch sẽ hằng ngày. + Lan nên ăn uống đủ chất, hạn chế đồ cay nóng. + Lan không nên tự ý nặn mụn. + Lan cần ngủ đủ giấc và giữ tinh thần thoải mái. - HS lắng nghe

4. Vận dụng - trải nghiệm

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề trong thực tế
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Làm việc cá nhân
- Thời gian: 10 phút
- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– Tổ chức cả lớp chơi trò chơi Xì điện, yêu cầu mỗi HS nêu một việc em cần làm để chăm sóc, vệ sinh cơ thể hằng ngày. – GV tổng hợp nhanh các ý kiến HS đã ghi chép được. – Hướng dẫn sử dụng Phiếu theo dõi "Thực hiện chăm sóc, vệ sinh cơ thể". – Dặn dò: HS thực hiện ở nhà trong 1 tuần theo yêu cầu của SGK và chia sẻ kết quả ở tiết 3.	– Lớp cử 2 HS ghi lại các việc làm mà các HS khác nêu. – 1 HS nêu được1 "việc cần làm" và được quyền chỉ 1 bạn trong lớp tiếp tục nêu ý kiến. – HS lắng nghe, từ ý kiến của cả lớp, lựa chọn một số việc phù hợp viết vào Bảng theo dõi. – HS về nhà thực hiện theo nội dung việc làm đã viết trong phiếu, theo dõi và đánh dấu vào nội dung trong phiếu sau mỗi lần thực hiện

IV. Rút kinh nghiệm sau bài dạy

.....
.....
.....

❖ Bài 26: Phòng tránh bị xâm hại tình dục (Tiết 2)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù

- Xác định được những tình huống có nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục.
- Nêu được những việc làm để phòng tránh và ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại tình dục.

2. Năng lực chung

– Tự chủ và tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được tìm hiểu

và theo dõi, nhận xét việc thực hiện chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ thể chất và tinh thần tuổi dậy thì.

– Giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, trò chơi, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả nhóm

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, tự giác tìm hiểu bài và làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.
- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, nhận xét sản phẩm của bạn.
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, máy tính, máy chiếu, kế hoạch bài dạy.
- Phiếu học tập

2. Học sinh: SGK, vở ghi

III. Các hoạt động dạy học

1. Khởi động

- Mục tiêu:

+ Tạo không khí vui vẻ, hứng thú vào đầu giờ học và tâm thế vui tươi, phấn khởi để học sinh bước vào tiết học.

+ GV tạo ra tình huống có vấn đề để dẫn dắt HS vào bài mới.

- Phương pháp/ kĩ thuật dạy học: Trò chơi học tập
- Thời gian: 5 phút
- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi "Tìm đường an toàn về nhà". – Phổ biến luật chơi: Để về nhà an toàn các đội cần phải vượt qua 3 trạm. HS hoặc GV nêu câu hỏi và phương án trả lời ở mỗi trạm (Phụ lục 1). Các đội nhanh chóng viết đáp án vào bảng. Đội trả lời đúng và nhanh được tiến 2 bước, trả lời đúng tiến 1 bước, trả lời sai đứng tại chỗ.	- HS lắng nghe

– GV tổ chức cho cả lớp chơi, sau mỗi câu hỏi không chỉ nêu đáp án đúng mà tóm lược kiến thức. – GV dẫn dắt vào bài: Trong những tình huống không an toàn có thể dẫn đến nguy cơ bị xâm hại tình dục, đó là những tình huống nào, chúng ta tìm hiểu ở tiết 2 của bài. - GV ghi bài	– HS chơi theo đội: + Mỗi đội cử 1 bạn đứng trên bảng để quan sát, tự đánh giá câu trả lời của đội mình và đội bạn. + HS ở các đội dưới lớp quan sát câu hỏi, thảo luận, viết đáp án và giơ lên nhanh nhất có thể. – HS cả lớp đánh giá, tổng kết sau khi chơi. - HS ghi bài

2. Hình thành kiến thức

- Mục tiêu:

+ Xác định được những tình huống có nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục.

+ Nêu được những việc làm để phòng tránh và ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại tình dục.

- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Thảo luận nhóm

- Thời gian: 10 phút

- Cách tiến hành

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: – GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, quan sát tình huống từ hình 5 đến hình 8, chia sẻ nội dung tình huống và thực hiện theo yêu cầu của SGK. – GV tổ chức các nhóm chia sẻ trước lớp: + Khuyến khích nhiều thành viên trong nhóm cùng báo cáo kết quả. + Gợi ý HS phân tích và nêu được những dấu hiệu và giả định sự việc có thể xảy ra, từ đó lường trước "nguy cơ" bị xâm hại tình dục có thể xảy ra với bạn trong mỗi tình huống.	– 2 HS quan sát hình ảnh, bóng nói và lần lượt chia sẻ nội dung tình huống, xác định tình huống nào có nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục, đưa ra ý kiến giải thích. HS có thể chia sẻ trong nhóm lớn (nếu cần). – Một số cặp HS chia sẻ trước lớp (có thể 1 bạn nêu ý kiến xác định tình huống nguy cơ, 1 bạn đưa ra ý kiến giải thích).

+ Yêu cầu các nhóm chia sẻ, bổ sung những dấu hiệu có "nguy cơ" khác.	– HS bổ sung ý kiến, phân tích dấu hiệu "nguy cơ" và nêu được một số ý kiến như: + Hình 5: Bạn ở nhà một mình, nếu bạn cho "chú" vào nhà mượn đồ bạn có thể bất an, lo lắng từ khi chú vào nhà đến khi chú ra khỏi nhà, trường hợp xấu hơn có thể bị xâm hại ở các mức độ khác nhau,... + Hình 6: Bạn đã từng đi về nhà một mình và đã bày tỏ với mẹ không muốn như vậy. Điều này cho thấy sự lo lắng, bất an và không muốn điều đó lặp lại. Có thể trên đường về nhà bạn đã từng gặp những tình huống không an toàn nên/hoặc dù chưa có tình huống nào xảy ra nhưng bạn cảm thấy không an toàn khi đi một mình; ... + Hình 7: Bạn đi tham quan, cắm trại ở nơi hoang vu, vắng vẻ không có người. Bạn đi vào nhà vệ sinh một mình mà có người lạ với thái độ không thân thiện, rất khả nghi đi theo sau bạn. + Hình 8: Xung quanh không có người nào, nếu bạn bê đồ vào nhà cùng bác trai sẽ không ai biết bạn vào nhà bác. Nếu bạn bê đồ vào trong nhà cùng bác thì chỉ có một mình bạn với bác trai, không phải là người ruột thịt;...
– GV nhận xét, bổ sung (nếu cần), nhắc nhở HS nguyên tắc: Không ở một mình nơi vắng vẻ với "người lạ", đặc biệt người khác giới; chuyển sang hoạt động tiếp theo.	- HS lắng nghe
Hoạt động 2 – GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, dựa trên HĐ1 thực hiện theo yêu cầu của SGK; kết quả thảo luận nhóm viết lên các thẻ trống.	– Nhóm trưởng tổ chức cho các bạn chia sẻ ý kiến theo mỗi tình huống: + Mỗi bạn chia sẻ việc làm để phòng tránh hoặc ứng phó phù hợp với tình huống.

– Tổ chức cho các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm cùng lên dán thẻ đã viết và nhận xét các việc làm đã đề xuất – GV bổ sung (nếu cần), khen ngợi, khích lệ các nhóm HS đã sáng tạo khi nêu được những việc làm phù hợp với mỗi tình huống để phòng tránh và ứng phó với nguy cơ bị xâm hại tình dục.	+ Nhóm thống nhất ý kiến và viết lên thẻ. – Các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp: + Các nhóm cùng lên dán thẻ đã viết phù hợp với mỗi tình huống. + HS cùng xác định việc làm nào là phù hợp với tình huống; phân tích việc làm nào chưa phù hợp, nêu ý kiến giải thích vì sao. – HS nêu được một số việc ở mỗi tình huống như: + Hình 5: Khi ở nhà một mình, không cho người lạ (không phải người ruột thịt) vào nhà với bất kì lí do gì; trong một số trường hợp cần hỏi ý kiến bố mẹ trước khi cho người lạ vào nhà; .. - HS lắng nghe

3. Luyện tập - củng cố

- Mục đích:

+ Nêu được một số tình huống có nguy cơ dẫn đến xâm hại tình dục mà HS biết

+ Rèn luyện kĩ năng ứng phó trong một số tình huống có nguy cơ bị xâm hại

- Phương pháp/ kĩ thuật dạy học: Thảo luận nhóm

- Thời gian: 10 phút

- Cách tiến hành

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: – GV yêu cầu HS làm việc nhóm: + Chia sẻ về những tình huống có nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục mà các em biết. + Liên hệ hoạt động hằng ngày, chia sẻ tình huống các em cho rằng có nguy cơ bị xâm hại. – GV tổ chức chia sẻ trước lớp, ghi lại những tình huống nguy cơ. Hoặc GV	– Nhóm trưởng tổ chức cho các bạn: + Liên hệ từ hiểu biết thực tế, qua sách báo, chia sẻ tình huống thực tế có nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục. + Nhóm cùng nhau trao đổi, làm rõ tìnhhuống. – Đại diện từng nhóm chia sẻ, cácHS khác lắng nghe và đặt thêm

nêu thêm những tình huống nguy cơ khác thường xảy ra ở địa phương **Hoạt động 2:** – GV yêu cầu: + Mỗi HS lựa chọn một tình huống (trong SGK hoặc từ thực tế đã chia sẻ) để đưa ra cách ứng phó. + Những HS cùng chọn một tình huống tạo thành nhóm (4 hoặc 6 HS), cùng thống nhất cách ứng phó và đóng vai thể hiện. – GV tổ chức cho một số nhóm đóng vai. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, thể hiện cách ứng phó khác. – GV nhận xét, bổ sung (nếu cần) và dặn dò HS vận dụng những kĩ năng đã học để nhận diện tình huống có nguy cơ và ứng phó phù hợp	câu hỏi làm rõ tình huống (nếu cần). – HS lựa chọn cùng một tình huống tạo thành nhóm (4 – 6 HS/nhóm): + Nhóm thảo luận cách để thể hiện được lời nói, hành vi ứng phó phù hợp với tình huống của nhóm mình. + Nhóm phân vai và luyện tập thể hiện lời nói, thái độ, hành động ứng phó phù hợp với tình huống. – Đại diện một số nhóm đóng vai, các nhóm khác nhận xét, bổ sung cách ứng phó khác nhau cho mỗi mỗi tình huống có nguy cơ bị xâm hại. - HS lắng nghe

4. Vận dụng - trải nghiệm

- Mục đích: Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề trong cuộc sống
- Phương pháp/ kĩ thuật dạy học: Làm việc cá nhân
- Thời gian: 10 phút
- Cách tiến hành:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nêu tình huống: Sau giờ tan học, khi đang đứng chờ bố mẹ đón ở cổng trường, một người lạ đến hỏi đường, rồi tiếp tục bắt chuyện rất thân thiện. Một lúc sau, người đó nói gần đây có cửa hàng đang phát miễn phí bánh kẹo, gấu bông và rủ em đi cùng để nhận quà. - GV đặt câu hỏi:	- HS lắng nghe - HS trả lời:

+Em có nên đi theo người đó hay không? Vì sao +Nếu gặp tình huống này, em xử lí như thế nào?	+ Em không đi theo người đó. Vì không biết họ có ý tốt hay không + Nếu gặp tình huống này, em sẽ từ chối khéo và đến đứng gần thầy cô giáo hoặc bác bảo vệ

IV. Rút kinh nghiệm sau bài dạy

.....
.....
.....